

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 71/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1918/TTr-SCT ngày 15/12/2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại văn bản số 1503/STP-KSTT ngày 12/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 141 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; 15 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1660/QĐ-UBND, ngày 14/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 22/4/2015, Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

Thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: công nghiệp tiêu dùng, lưu thông hàng hóa trong nước được công bố tại Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày

05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Dương đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: LT

- Văn phòng CP (Kiểm soát TTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP (Lg, V), Th; website tỉnh, trg;
- Lưu: VT. LT



CHỦ TỊCH LT

Trần Thanh Liêm

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT		Tên thủ tục hành chính	Số trang
DANH MỤC TTHC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG			
I		Lĩnh vực xuất nhập khẩu	
1	1	Xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công	01
2	2	Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc	03
II		Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	
1	3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	06
2	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá <i>(trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)</i>	14
3	5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	17
4	6	Cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	20
5	7	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá <i>(trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)</i>	24
6	8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	28
7	9	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	32
8	10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	35
9	11	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) <i>(trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)</i>	38
III		Lĩnh vực công nghiệp địa phương	
1	12	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	41
IV		Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp	
1	13	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	47
2	14	Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	51
3	15	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	55
4	16	Đăng ký thực hiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	59

V		Lĩnh vực Hóa chất	
01	17	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	61
02	18	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	64
03	19	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	69
04	20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	72
05	21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	82
06	22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	84
07	23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (<i>trường hợp hết hiệu lực</i>)	86
08	24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	88
09	25	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	94
10	26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	96
11	27	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (<i>trường hợp hết hiệu lực</i>)	98
12	28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> đồng thời <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	100
13	29	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> đồng thời <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	110
14	30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> đồng thời <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	112
15	31	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> đồng thời <i>kinh doanh</i> hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (<i>trường hợp hết hiệu lực thi hành</i>)	114
16	32	Xác nhận biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong	116

		lĩnh vực công nghiệp	
17	33	Xác nhận khai báo hoá chất sản xuất	119
VI		Lĩnh vực Điện	
01	34	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	123
02	35	Cấp lại thẻ an toàn điện	125
03	36	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	127
04	37	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3 MW đặt tại địa phương	129
05	38	Cấp Giấy phép tư vấn <i>đầu tư</i> xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	135
06	39	Cấp Giấy phép tư vấn <i>giám sát</i> thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	141
07	40	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV và có tổng công suất lắp đặt của các trạm biến áp dưới 3MVA đối với khu vực đô thị tại địa phương	147
08	41	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0.4kV tại địa phương	152
09	42	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	157
10	43	Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (<i>trường hợp bị mất hoặc bị hỏng thẻ</i>)	160
VII		Lĩnh vực Công nghiệp nặng	
01	44	Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B, C	162
02	45	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	168
VIII		Lĩnh vực Thương mại quốc tế	
01	46	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	173
02	47	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (<i>Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</i>)	178
03	48	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	182
04	49	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	185
05	50	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	189

06	51	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	193
IX		Lĩnh vực Dầu khí	
01	52	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ 210m ³ đến dưới 5.000m ³	197
02	53	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	202
03	54	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	207
X		Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
01	55	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	212
02	56	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	217
03	57	Thông báo thực hiện khuyến mại	220
04	58	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	223
05	59	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	226
06	60	Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	230
07	61	Chấp thuận đăng ký tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ	233
XI		Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	
01	62	Xác nhận thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	236
02	63	Xác nhận thông báo sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp	240
03	64	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	244
04	65	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	248
XII		Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
01	66	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	252
02	67	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	256
03	68	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	259
04	69	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	262
05	70	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	265
06	71	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	268
07	72	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	271

08	73	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	274
09	74	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu <i>(trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)</i>	277
10	75	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	280
11	76	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	286
12	77	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá <i>(trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)</i>	290
13	78	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	293
14	79	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	296
15	80	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu <i>(trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)</i>	301
16	81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	304
17	82	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	308
18	83	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	311
19	84	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	314
20	85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	317
21	86	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	321
22	87	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	324
23	88	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	327
24	89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	330
25	90	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	333
26	91	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	336
27	92	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	339
28	93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	342
29	94	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	345
30	95	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	348
31	96	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	351
32	97	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	354
33	98	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	357
34	99	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	360

35	100	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	363
36	101	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	366
37	102	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	370
38	103	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	373
39	104	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	376
40	105	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	379
41	106	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	383
42	107	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	386
43	108	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	389
44	109	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	392
45	110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	395
46	111	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	398
47	112	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	401
48	113	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	404
49	114	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	408
50	115	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	411
51	116	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	414
52	117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	417
53	118	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	420
54	119	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	423
55	120	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	426
XIII		Lĩnh vực an toàn thực phẩm	
01	121	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	429
02	122	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (<i>trường hợp giấy bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	437
03	123	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm.	440

04	124	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (<i>trường hợp bị mất, bị hỏng, thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>)	446
05	125	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm (<i>trường hợp thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>).	449
06	126	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (<i>trường hợp do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>)	457
07	127	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	460
08	128	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (<i>do bị mất, bị hỏng</i>)	465
09	129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (<i>do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>)	468
10	130	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (<i>do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>)	473
11	131	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương	478
12	132	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	482
13	133	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (<i>trường hợp hết hạn hoặc thay đổi về nội dung quảng cáo</i>)	485
14	134	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương	488
XIV		Lĩnh vực Giám định thương mại	
01	135	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	493
02	136	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	496
XV		Lĩnh vực Năng lượng	
01	137	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)	499
XVI		Lĩnh vực khoa học công nghệ	

01	138	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (phân bón vô cơ)	501
02	139	Bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép (<i>để trực tiếp sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo, chỉ áp dụng đối với sản phẩm thép có mã số HS 7224.10.00; 7224.90.00</i>)	504
03	140	Tiếp nhận Bản đăng ký công bố hợp quy đối với thép (<i>trừ thép làm cốt bê tông</i>) dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (<i>bên thứ nhất</i>)	509
04	141	Tiếp nhận Bản đăng ký công bố hợp quy đối với thép (<i>trừ thép làm cốt bê tông</i>) dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (<i>bên thứ ba</i>)	515
DANH MỤC TTHC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CẤP HUYỆN			
I		Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
01	01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	519
02	02	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh <i>do hết thời hạn hiệu lực</i>	522
03	03	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh <i>do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy</i>	525
04	04	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	529
05	05	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	531
II		Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
01	06	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	536
02	07	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá <i>do hết thời hạn hiệu lực</i>	540
03	08	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá <i>do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy</i>	543
04	09	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	546
05	10	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	550
06	11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	554
07	12	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu <i>do hết thời hạn hiệu lực</i>	558
08	13	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu <i>do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy</i>	561
09	14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (<i>trường hợp cấp mới, cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>)	564
10	15	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (<i>do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng, do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>)	570

DANH MỤC TTHC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CẤP XÃ

		Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
01	01	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	576
02	02	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	579
03	03	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại <i>do hết thời hạn hiệu lực</i>	582
04	04	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại <i>do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy</i>	585

Phần II.
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực xuất nhập khẩu.

1. Xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra thực tế các nội dung cam kết của thương nhân (khi cần thiết) và xác nhận cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Bản cam kết của thương nhân;

- Bản sao có bản chính đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Các chứng từ liên quan

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

f) Phí, Lệ phí: không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản cam kết của thương nhân có xác nhận của Sở Công Thương

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có dây chuyền, thiết bị sản xuất, gia công phù hợp để sản xuất, gia công các nguyên liệu nhập khẩu.

- Sản phẩm thép nhập khẩu chỉ được sử dụng cho mục đích sản xuất, gia công không nhằm mục đích kinh doanh. Số lượng nhập khẩu phù hợp với công suất của dây chuyền sản xuất, gia công trong một thời gian nhất định theo khai báo của doanh nghiệp.

- Việc gia công, sản xuất không phải là những hoạt động gia công đơn giản như uốn, cắt, mài, cuộn đơn giản hoặc những hoạt động gia công đơn giản khác.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

j) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

- Thông tư số 12/2015/TT-BCT ngày 12/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số sản phẩm thép.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 7248/QĐ-BCT ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

2. Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương chủ trì phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra thực tế, lập Biên bản và cấp Mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu (MID) sang Hoa Kỳ cho Doanh nghiệp.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư, hoặc giấy phép kinh doanh;
- Bản sao Bảng lương tháng gần nhất với thời điểm kiểm tra gồm:
 - + Số công nhân được ký hợp đồng lao động dài hạn (trên 1 năm);
 - + Số lao động hiện có tại thời điểm kiểm tra.
- Bản sao Hợp đồng xây dựng, giấy sở hữu công trình hoặc hợp đồng thuê nhà xưởng
- Bản sao Tờ khai hải quan đối với máy móc thiết bị nhập khẩu và (hoặc) hóa đơn tài chính đối với máy móc thiết bị mua trong nước. Nếu là máy móc thiết bị thuê mua thì phải có hợp đồng và hóa đơn chứng từ rõ ràng
- Bảng kê năng lực máy móc thiết bị

**Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

f) Phí, Lệ phí: không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản kiểm tra năng lực sản xuất hàng dệt may

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bảng kê năng lực máy móc thiết bị

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

j) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

- Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 16/2010/TT-BCT ngày 20/4/2010 của Bộ Công Thương về việc cấp Mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu (MID) sang Hoa Kỳ;

BẢNG KÊ NĂNG LỰC MÁY MÓC THIẾT BỊ

STT	Loại thiết bị	Máy móc thiết bị		Số, ngày, hóa đơn tài chính, tờ khai Hải quan nhập khẩu
		Số lượng	Trị giá	
1	Máy may thẳng			
2	Máy chuyên dùng			
2.1	Máy vắt sổ			
2.2	Máy 2 kim			
2.3	Máy thừa khuyết			
2.4	Máy vắt gấu			
2.5	Loại khác:			
3	Máy cắt			
4	Máy là hơi			
5	Thiết bị khác (Ghi rõ loại gì)			
	<u>CỘNG:</u>			

II. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá *(trường hợp cấp mới và Giấy chứng nhận hết hiệu lực)*

a) Trình tự thực hiện: Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 ngày

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá,

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác.

- Bảng kê trang thiết bị: Hệ thống thông gió, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, ẩm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá.

- Bản kê danh sách lao động, bản sao hợp đồng lao động, văn bằng chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên đối với cán bộ quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu.

- Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bản kê tổng hợp diện tích trồng, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp Giấy chứng nhận

h) Phí,lệ phí :

- Phí: 2.200.000 đ/cơ sở/lần

- Lệ phí: 400.000 đ/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:theo mẫu đính kèm

- Đơn đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá;

- Bảng kê diện tích kho, nhà xưởng và các hạng mục khác.

- Bảng kê phương tiện, trang thiết bị.

- Bảng kê danh sách lao động.

- Bảng kê dự kiến diện tích, năng suất, sản lượng của doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC :

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người:

+ Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;

+ Diện tích của cơ sở kinh doanh nguyên liệu bao gồm khu phân loại, đóng kiện và kho nguyên liệu phù hợp với quy mô kinh doanh;

+ Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

+ Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp để quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu, trình độ phải được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên. Đảm bảo 01 (một) cán bộ kỹ thuật quản lý tối đa 50 ha ruộng trồng cây thuốc lá.

- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2013;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ
TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
4. Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Loại cây thuốc lá:.....(2); Diện tích trồng cây thuốc lá.....(ha)
 - Địa điểm trồng cây thuốc lá:.....
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

.....(3) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai(3) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
- (2): Ghi cụ thể các loại cây thuốc lá (ví dụ: thuốc lá vàng sáy, thuốc lá Burley, thuốc lá Nâu...)
- (3): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BẢNG KÊ
DIỆN TÍCH KHO, NHÀ XƯỞNG VÀ CÁC HẠNG MỤC KHÁC

Số TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Số lượng	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
.....					
Tổng diện tích kho, nhà xưởng..					
Tổng diện tích đất					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ**

Số TT	Tên phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy				
1				
2				
....				
II. Ấm kettle, nhiệt kế				
1				
2				
...				
III. Giá, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá				
1				
2				
....				
IV. Hệ thống thông gió				
1				
2				
...				
V. Phương tiện phòng chống sâu, mối mọt				
1				
2				
...				
VI. Phương tiện vận tải(1)				
1				
2				
...				

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ loại phương tiện và trọng tải của phương tiện.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BẢNG KÊ DANH SÁCH LAO ĐỘNG

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo(1)	Bộ phận làm việc	Số sổ BHXH	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
...							

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Trường hợp trình độ từ trung cấp trở lên thì ghi rõ chuyên ngành được đào tạo.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BẢNG KÊ
DỰ KIẾN DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CỦA DOANH
NGHIỆP ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

Số TT	Loại cây thuốc lá	Địa điểm trồng cây thuốc lá(1)	Diện tích (ha)	Năng xuất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thuốc lá vàng sáy				
2	Thuốc lá Burley				
3	Thuốc lá Nâu				
...	Thuốc lá....				
Tổng cộng					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã, huyện, tỉnh nơi dự kiến trồng cây thuốc lá.

2.Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá*(trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)*

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.
- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:*
 - Văn bản đề nghị cấp lại;
 - Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp (nếu có)
- **Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí : Lệ phí: 400.000đ/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:theo mẫu đính kèm

Đơn đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2013;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
5. Đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với lý do sau:.....(3)
- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai(5) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
- (2): Nếu đã được cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy
- (3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá;

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 2.200.000 đ/cơ sở/lần

- Lệ phí: 400.000 đ/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo mẫu đính kèm

Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2013;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....;
4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
5. Đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp):
 - Thông tin cũ:.....(3)
 - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
 - Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
 - Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai(5) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
- (2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Thông tin ghi trong Giấy chứng nhận cũ.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

(5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

4. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá:

a) Trình tự thực hiện:

-Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

-Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác, phương tiện vận tải.

- Bảng kê trang thiết bị: Hệ thống thông gió, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, ẩm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá.

- Bản kê danh sách lao động, bản sao hợp đồng lao động, văn bằng chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên đối với cán bộ thu mua nguyên liệu.

- Bản sao hợp đồng nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

h) Phí, Lệ phí:

- * Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh
 - Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
 - Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.
- * Khu vực khác:
 - Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
 - Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo mẫu đính kèm

- Đơn đề nghị Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
- Bảng kê đề nghị Cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.
- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị con người:
 - + Có phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu bảo quản chất lượng của nguyên liệu thuốc lá trong thời gian vận chuyển;
 - + Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 1.000m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc kệ, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;
 - + Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên.
- Có hợp đồng nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.
- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2013;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:.....Fax:.....;
3. Văn phòng đại diện (nếu có).....Điện thoại.....Fax.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Loại nguyên liệu thuốc lá:.....(2)
 - Được phép nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá của các doanh nghiệp:.....(3)
 - Những hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, nếu sai(4) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép
- (2): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá (ví dụ: lá thuốc lá, sợi thuốc lá, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các doanh nghiệp ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.
- (4): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép

5. Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá;

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp lại;

- Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp (nếu có)

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá nhưng bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

h) Phí, Lệ phí:

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.
- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người:
 - + Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;
 - + Diện tích của cơ sở kinh doanh nguyên liệu bao gồm khu phân loại, đóng kiện và kho nguyên liệu phù hợp với quy mô kinh doanh;
 - + Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc kệ, kê đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;
 - + Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp để quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu, trình độ phải được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên. Đảm bảo 01 (một) cán bộ kỹ thuật quản lý tối đa 50 ha ruộng trồng cây thuốc lá.
- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.
- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2013;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....

4.Đã được.....(1) cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)

5. Đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá với lý do sau:.....(3)

Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5)xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai(5) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.

(2): Nếu Giấy phép đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy

(3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy phép.

(4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy phép.

(5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép

6. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

-Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

-Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

h) Phí, Lệ phí:

** Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh*

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

** Khu vực khác:*

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.
- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người:
 - + Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;
 - + Diện tích của cơ sở kinh doanh nguyên liệu bao gồm khu phân loại, đóng kiện và kho nguyên liệu phù hợp với quy mô kinh doanh;
 - + Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc kệ, kê đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;
 - + Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp để quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu, trình độ phải được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên. Đảm bảo 01 (một) cán bộ kỹ thuật quản lý tối đa 50 ha ruộng trồng cây thuốc lá.
- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.
- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2013;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP MUA BÁN
NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
5. Đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp*):
 - Thông tin cũ:.....(3)
 - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
 - Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai(5) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

7.Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

b)Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.
- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà doanh nghiệp dự kiến sản xuất.
- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**Số lượng hồ sơ: 02 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp

g) Phí, Lệ phí:

- Phí: 2.200.000 đồng/cơ sở/lần

- Lệ phí: 400.000 đồng/giấy/lần

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu.
- Sản xuất rượu công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát được phê duyệt.
- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu. Toàn bộ máy móc thiết bị để sản xuất rượu phải có nguồn gốc hợp pháp.
- Đảm bảo các điều kiện theo quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.
- Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hàng hóa sản phẩm rượu tại Việt Nam.
- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.
- Người tham gia trực tiếp sản xuất rượu phải đảm bảo sức khỏe, không mắc bệnh truyền nhiễm.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: (1)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:..... (3)

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (3): Ghi công suất thiết kế (lít/năm).

8. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**Số lượng hồ sơ:* 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương;

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 2.200.000 đồng/cơ sở/lần
- Lệ phí: 400.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp số..... do⁽¹⁾ cấp ngày..... tháng..... năm...

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung (hoặc cấp lại) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽²⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung)^(*) Giấy phép sản xuất các loại rượu:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan cấp Giấy phép.

⁽²⁾: Lý do xin cấp sửa đổi, bổ sung.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây....

⁽⁴⁾: Ghi công suất thiết kế (lít/năm).

^(*): Nếu là cấp sửa đổi thì đề nghị cấp sửa đổi. Nếu trường hợp cấp bổ sung thì đề nghị cấp bổ sung.

9.Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)(*trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy*)

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép.

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:* 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

f) Cơ quan thực hiện thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Cấp lại lần thứ...)

h) Lệ phí: 400.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp số..... do⁽¹⁾cấp ngày.....tháng.....năm...

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽²⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất các loại rượu:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan cấp Giấy phép.

⁽²⁾: Lý do xin cấp lại.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây....

⁽⁴⁾: Ghi công suất thiết kế (lít/năm).

III. Lĩnh vực công nghiệp địa phương:

1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn;

- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm;

- Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;

- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có).

**Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: không quy định

h) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;
- Thuyết minh sản phẩm đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);
- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;
- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;
- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;
- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:
 - + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
 - + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
 - + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;
 - + Tiêu chí khác.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;
- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;
- Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;
- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).
- Quyết định 36/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

(Tên Cơ sở CNTT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:..... Email:

Người đại diện:; Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp:

Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan):

Địa điểm sản xuất:

Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có):

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp):

Tổng số lao động bình quân/năm:

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:

Mô tả tóm tắt về sản phẩm:

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(ký tên và đóng dấu)

(Tên Cơ sở CNTT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:; Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):

- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:

- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:

- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:

- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác: ...
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:
- Chất lượng lao động đang sử dụng:
- Thu nhập bình quân: VNĐ/người/tháng

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:
- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):

III. TỰ NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(ký tên và đóng dấu)

IV. Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp:

1. Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết, thẩm tra thực tế. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự;
- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập đơn vị, đăng ký kinh doanh. Nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có Giấy phép đầu tư;
- Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị hoạt động khoáng sản; Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc Hợp đồng nhận thầu, giấy ủy quyền thực hiện hợp đồng thi công công trình. Trong các giấy tờ trên phải ghi rõ nhu cầu sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Thiết kế nổ mìn đối với các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản quy mô công nghiệp, Phương án nổ mìn đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản, các hoạt động phục vụ mục đích sản xuất, đào tạo huấn luyện, nghiên cứu khoa học khác. Thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải được lãnh đạo đơn vị duyệt;
- Phương án nổ mìn;

- Hồ sơ kho bảo quản, thiết bị nổ mìn, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thoả mãn các quy định tại QCVN 02:2008/BCT;

- Quyết định bổ nhiệm Người chỉ huy nổ mìn của Thủ trưởng đơn vị.

**Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định (trong hoạt động khai thác khoáng sản): 4.000.000 đồng/Giấy;

- Phí thẩm định (trong thi công công trình xây dựng, giao thông và các công trình khác): 3.000.000 đồng/Giấy.

i) Tên mẫu đơn, tên tờ khai:

Mẫu đơn cấp phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

j) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Là tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật, có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định liên quan;

- Có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thoả mãn các yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6 Nghị định 39/2009/NĐ-CP; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Lãnh đạo quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người phục vụ liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.
- Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp⁽¹⁾.

Kính gửi:⁽²⁾.

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do.....cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số.....do..... cấp ngày....tháng... năm 20.....

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghịxem xét và cấp⁽¹⁾..... cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009; Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều trong Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT.

..... ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- ⁽¹⁾ Tên Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ
- ⁽²⁾ Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ

2. Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết, thẩm tra thực tế. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Báo cáo hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp lần trước;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự (nếu có thay đổi);

- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập đơn vị, đăng ký kinh doanh. Nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có Giấy phép đầu tư (nếu có thay đổi);

- Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị hoạt động khoáng sản; Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc Hợp đồng nhận thầu, giấy ủy quyền thực hiện hợp đồng thi công công trình. Trong các giấy tờ trên phải ghi rõ nhu cầu sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có thay đổi);

- Thiết kế nổ mìn đối với các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản quy mô công nghiệp, Phương án nổ mìn đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản, các hoạt động phục vụ mục đích sản xuất, đào tạo huấn luyện, nghiên cứu

khoa học khác. Thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải được lãnh đạo đơn vị duyệt (nếu có thay đổi);

- Phương án nổ mìn (nếu có thay đổi);
- Hồ sơ kho bảo quản, thiết bị nổ mìn, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thoả mãn các quy định tại QCVN 02:2008/BCT (nếu có thay đổi);
- Quyết định bổ nhiệm Người chỉ huy nổ mìn của Thủ trưởng đơn vị (nếu có thay đổi).

**Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

h) Phí, Lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn cấp phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

j) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Là tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật, có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định liên quan;

- Có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thoả mãn các yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6 Nghị định 39/2009/NĐ-CP; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Lãnh đạo quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người phục vụ liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.
- Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp⁽¹⁾

Kính gửi:⁽²⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do.....cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số.....do..... cấp ngày....tháng... năm 20.....

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghịxem xét và cấp⁽¹⁾..... cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009; Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều trong Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT.

..... ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- ⁽¹⁾ Tên Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ
- ⁽²⁾ Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ

3. Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết, thẩm tra thực tế. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (theo mẫu);
- Báo cáo hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp lần trước;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự;
- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập đơn vị, đăng ký kinh doanh. Nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có Giấy phép đầu tư (nếu có thay đổi);
- Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị hoạt động khoáng sản; Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc Hợp đồng nhận thầu, giấy uỷ quyền thực hiện hợp đồng thi công công trình. Trong các giấy tờ trên phải ghi rõ nhu cầu sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có thay đổi);
- Thiết kế nổ mìn đối với các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản quy mô công nghiệp, Phương án nổ mìn đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng

sản, các hoạt động phục vụ mục đích sản xuất, đào tạo huấn luyện, nghiên cứu khoa học khác. Thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải được lãnh đạo đơn vị duyệt (nếu có thay đổi);

- Phương án nổ mìn (nếu có thay đổi);

- Hồ sơ kho bảo quản, thiết bị nổ mìn, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thoả mãn các quy định tại QCVN 02:2008/BCT (nếu có thay đổi);

- Quyết định bổ nhiệm Người chỉ huy nổ mìn của Thủ trưởng đơn vị (nếu có thay đổi).

**Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định (trong hoạt động khai thác khoáng sản): 2.000.000 đồng/Giấy;

- Phí thẩm định (trong thi công công trình xây dựng, giao thông và các công trình khác): 1.000.000 đồng/Giấy.

i) Tên mẫu đơn, tên tờ khai: Đơn cấp phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

j) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Là tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật, có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định liên quan;

- Có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thoả mãn các yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6 Nghị định 39/2009/NĐ-CP; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Lãnh đạo quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người phục vụ liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh, trật tự; có

trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.
- Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp⁽¹⁾.

Kính gửi:⁽²⁾.

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do.....cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số.....do..... cấp ngày....tháng... năm 20.....

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghịxem xét và cấp⁽¹⁾..... cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009; Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều trong Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT.

..... ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- ⁽¹⁾ Tên Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ
- ⁽²⁾ Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ

4. Đăng ký thực hiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Chậm nhất 03 (ba) ngày trước khi bắt đầu thực hiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tổ chức được cấp Giấy phép phải đăng ký với Sở Công Thương

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm xác nhận đăng ký cho tổ chức đề nghị đăng ký. Trường hợp không xác nhận phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do;

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Bản sao Giấy phép sử dụng,
- Danh sách chỉ huy nổ mìn và người trực tiếp liên quan, thiết kế hoặc phương án nổ mìn, thời gian, thời điểm tiến hành.

**Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

h) Phí, Lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, tên tờ khai: không có.

j) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Là tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật, có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, đảm bảo

khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định liên quan;

- Có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thoả mãn các yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6 Nghị định 39/2009/NĐ-CP; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Lãnh đạo quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người phục vụ liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;
- Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

V. Lĩnh vực hóa chất:

1. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tiến hành tổ chức huấn luyện, kiểm tra, sát hạch và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm (Giấy chứng nhận);
- Trường hợp Tổ chức không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu Tổ chức bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;
- Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính) hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Giấy phép lái xe phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;
- 02 ảnh cỡ 3×4 cm của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

**Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

h) Phí, Lệ phí: không quy định.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

j) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;

- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành;

- Được phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm

Kính gửi:

Tôi là (ghi rõ họ tên bằng chữ hoa).....Nam / Nữ

Sinh ngày:....../...../.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu).....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Thực hiện Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Đề nghịcấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm cho tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

2. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ sở nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thông báo kế hoạch huấn luyện (nếu có), kiểm tra cho cơ sở;
- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;
- Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức huấn luyện (nếu có), kiểm tra nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu Cơ sở bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Trường hợp hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận:
 - + Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;
 - + Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
 - + Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người trong danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
 - + Danh sách các loại hóa chất liên quan đến hoạt động của cơ sở.
- Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận:
 - + Giấy đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;
 - + Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
 - + Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người trong danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
 - + Danh sách các loại hóa chất liên quan đến hoạt động của cơ sở.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra;

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất theo mẫu (đính kèm).

- Giấy đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất theo mẫu (đính kèm).

- Danh sách các đối tượng tham gia huấn luyện (nếu có), kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất theo mẫu (đính kèm).

i) Phí, lệ phí: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

+ Được huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;

+ Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành.

- Điều kiện riêng: Người huấn luyện phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện, có ít nhất năm (05) năm làm việc về an toàn hóa chất.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 08/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

.....(1).....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện
kỹ thuật an toàn hóa chất

Kính gửi: Sở Công Thương(2).....

Tên cơ sở hoạt động hóa chất:

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại:..... ; Fax:

Email:

Thực hiện Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

.....(1)..... đề nghị Sở Công Thương(2)..... huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng liên quan tới hoạt động hóa chất của(1)...../.

.....,ngày....tháng....năm.....

.....(3).....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Ghi chú:

- (1) Tên cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Công ty)
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ sở hoạt động trên địa bàn (Ví dụ: tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước)
- (3) Lãnh đạo hoặc người đứng đầu của cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Giám đốc Công ty)

..... (1).....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

Kính gửi: Sở Công Thương(2).....

Tên cơ sở hoạt động hóa chất:

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại:..... ; Fax:

Email:

Thực hiện Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

.....(1)..... đề nghị Sở Công Thương(2)..... kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng liên quan tới hoạt động hóa chất của(1)...../.

....., ngày....tháng....năm....(3).....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Công ty)

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ sở hoạt động trên địa bàn (Ví dụ: tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước)

(3) Lãnh đạo hoặc người đứng đầu của cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Giám đốc Công ty)

DANH SÁCH(1).....

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND / Số Hộ chiếu	Chức vụ	Đơn vị công tác
1					
2					
...					

.....,ngày....tháng....năm.....

.....(2).....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Ghi chú:

(1) Danh sách tham gia huấn luyện, kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận hoặc Danh sách kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận.

(2) Lãnh đạo hoặc người đứng đầu của cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Giám đốc Công ty)

3. Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (trường hợp bị mất hoặc hư hỏng)

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;
- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp lại phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

i) Phí, lệ phí: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;
- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 08/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

Kính gửi: Sở Công Thương(1).....

Tên cá nhân:

Ngày sinh:

Chức vụ:

Nơi làm việc:

Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất của
do(1).... cấp ngày tháng năm đã(2).....Thực hiện quy
định tại Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ trưởng
Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện
kỹ thuật an toàn hóa chất, đề nghị Sở Công Thương(1)..... cấp lại
Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn hóa chất./.

.....,ngày....tháng....năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ sở hoạt động trên địa bàn (Ví dụ: tỉnh Bình Dương);

(2) Lý do cấp lại.

4. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện *sản xuất* hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Tài liệu pháp lý:
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng;
 - + Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan công an có thẩm quyền.
- Tài liệu về điều kiện kỹ thuật:
 - + Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm;
 - + Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn;

+ Bản công bố hợp quy và kế hoạch giám sát định kỳ chất lượng hóa chất trên cơ sở trang thiết bị kiểm tra hóa chất hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực kiểm tra hóa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận;

+ Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất.

- Tài liệu về điều kiện đối với người sản xuất:

Bản kê khai nhân sự, gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận hành.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/01 hồ sơ

- Lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng/01 giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất

- Bản kê khai nhân sự

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

- Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất;

- Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc
Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong
ngành công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm ...
do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2					
..					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Thông tư 8/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

- 1.
- 2.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI
THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN
TOÀN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4	5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất:		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại:			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: ghi ngắn gọn mục đích sử dụng, ví dụ: làm dung môi hòa tan nhựa PVC			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1			Không bắt buộc ghi chính xác, xem ghi chú
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			
Thành phần 5 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)			
2. Cảnh báo nguy hiểm - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc; - Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt; - Đường thở; - Đường da; - Đường tiêu hóa; - Đường tiết sữa.			
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)			

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)	
V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN	
1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...) 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy 3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...) 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)	
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ	
1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng	
VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ	
1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...) 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)	
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN	
1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...) 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc - Bảo vệ mắt; - Bảo vệ thân thể; - Bảo vệ tay; - Bảo vệ chân. 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)	
IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT	
Trạng thái vật lý	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$)
Màu sắc	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$)
Mùi đặc trưng	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$)
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ PH	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m^3)	Các tính chất khác nếu có
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...) 2. Khả năng phản ứng: - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy; - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);	

nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo) 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						
Ngày tháng biên soạn Phiếu:						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						

Hướng dẫn bổ sung:

- Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
- Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
- Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”.
- Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ: một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”
- Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương ứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể, rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định; ví dụ: thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH...”.
- Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
- Cách ghi làm lượng thành phần
Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:
 - Từ 0.1 đến 1 phần trăm;
 - Từ 0.5 đến 1,5 phần trăm;
 - Từ 1 đến 5 phần trăm;
 - Từ 3 đến 7 phần trăm;
 - Từ 5 đến 10 phần trăm;
 - Từ 7 đến 13 phần trăm;
 - Từ 10 đến 30 phần trăm;
 - Từ 15 đến 40 phần trăm;
 - Từ 30 đến 60 phần trăm;
 - Từ 40 đến 70 phần trăm;
 - Từ 60 đến 100 phần trăm;

4. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung (Doanh nghiệp tự soạn)
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung

**Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/01 giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không quy định

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

6. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp lại (Doanh nghiệp tự soạn)
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận (nếu có)

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.
- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.
- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

7. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp (trường hợp hết hiệu lực)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp lại;
- Giấy Chứng nhận hoặc bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đã được cấp lần trước;
- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân hoặc Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

h) Phí, Lệ phí: 100.000 đồng/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

8. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện *kinh doanh* hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Tài liệu pháp lý:
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan công an có thẩm quyền.
 - + Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Tài liệu về điều kiện kỹ thuật:
 - + Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của từng cơ sở kinh doanh hóa chất nguy hiểm
 - + Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn
 - + Bản kê khai các phương tiện vận tải chuyên dùng và bản sao hợp lệ Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm

+ Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng theo quy định và được cấp chung một Giấy chứng nhận.

+ Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh.

- Tài liệu về điều kiện đối với người kinh doanh:

Bản kê khai nhân sự gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên có liên quan trực tiếp đến kinh doanh, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm

* *Số lượng bộ hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/01 hồ sơ

- Lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng/01 giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn

- Bản kê khai nhân sự

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật trong cơ sở kinh doanh hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

- Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.”

- Đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục
hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm.....

docấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất,
kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện
trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2					
..					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất,
Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ và Thông tư số
28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số
điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa
chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

- 1.
- 2.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI
THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN
TOÀN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trung kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4	5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm

.....

BẢN KÊ KHAI
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN
CỦA CƠ SỞ KINH DOANH HÓA CHẤT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

9. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện *kinh doanh* hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung (Doanh nghiệp tự soạn)
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/01 giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không quy định

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

10. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện *kinh doanh* hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp (*trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy*)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp lại (Doanh nghiệp tự soạn)
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận (nếu có)

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.
- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.
- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

11. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện *kinh doanh* hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp (trường hợp hết hiệu lực)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * *Thành phần hồ sơ:*
 - Văn bản đề nghị cấp lại;
 - Giấy Chứng nhận hoặc bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đã được cấp lần trước;
 - Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).
- * *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, Lệ phí: 100.000 đồng/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

12. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện *sản xuất* đồng thời *kinh doanh* hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đầu tư;
- Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng;
- Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan công an có thẩm quyền;
- Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm;
- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn;

- Bản công bố hợp quy và kế hoạch giám sát định kỳ chất lượng hóa chất trên cơ sở trang thiết bị kiểm tra hóa chất hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực kiểm tra hóa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận;

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất;

- Bản kê khai các phương tiện vận tải chuyên dùng và bản sao hợp lệ Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm;

- Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng theo quy định tại Điều này và được cấp chung một Giấy chứng nhận;

- Bản kê khai nhân sự gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

* *Số lượng bộ hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/01 hồ sơ

- Lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng/01 giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất

- Bản kê khai nhân sự

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

- Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất;

- Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc
Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong
ngành công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm

do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2					
..					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định 108/2008/NĐ-CP 07/10/ 2008 của Chính phủ và Thông tư 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/ 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

- 1.
- 2.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI
THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN
TOÀN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4	5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất:		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại:			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: ghi ngắn gọn mục đích sử dụng, ví dụ: làm dung môi hòa tan nhựa PVC			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1			Không bắt buộc ghi chính xác, xem ghi chú
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			
Thành phần 5 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc; - Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng. <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt; - Đường thở; - Đường da; - Đường tiêu hóa; 			

- Đường tiết sữa.
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ
<ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất) 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)
V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN
<ol style="list-style-type: none"> 1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...) 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy 3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...) 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ
<ol style="list-style-type: none"> 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng
VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ
<ol style="list-style-type: none"> 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...) 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN
<ol style="list-style-type: none"> 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...) 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ mắt; - Bảo vệ thân thể; - Bảo vệ tay; - Bảo vệ chân. 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)
IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	Điểm sôi (°C)			
Màu sắc	Điểm nóng chảy (°C)			
Mùi đặc trưng	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định			
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy (°C)			
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)			
Độ hòa tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)			
Độ PH	Tỷ lệ hóa hơi			
Khối lượng riêng (kg/m³)	Các tính chất khác nếu có			
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT				
1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)				
2. Khả năng phản ứng:				
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;				
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);				
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);				
- Phản ứng trùng hợp.				
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH				
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép...	mg/m³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)				
2. Các ảnh hưởng độc khác				
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI				
1. Độc tính với sinh vật				
Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả	
Thành phần 1				
Thành phần 2 (nếu có)				
...				

2. Tác động trong môi trường - Mức độ phân hủy sinh học - Chỉ số BOD và COD - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học - Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học						
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ						
1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải 3. Biện pháp tiêu hủy 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý						
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Nghị định 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo) 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						

Ngày tháng biên soạn Phiếu:
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Hướng dẫn bổ sung:

1. Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
2. Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
3. Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”.
4. Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ: một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”
5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương ứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể, rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định; ví dụ: thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH...”.
6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
7. Cách ghi làm lượng thành phần
 Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:
 - a) Từ 0.1 đến 1 phần trăm;
 - b) Từ 0.5 đến 1,5 phần trăm;
 - c) Từ 1 đến 5 phần trăm;
 - d) Từ 3 đến 7 phần trăm;
 - đ) Từ 5 đến 10 phần trăm;
 - e) Từ 7 đến 13 phần trăm;
 - g) Từ 10 đến 30 phần trăm;
 - h) Từ 15 đến 40 phần trăm;
 - i) Từ 30 đến 60 phần trăm;
 - k) Từ 40 đến 70 phần trăm;
 - l) Từ 60 đến 100 phần trăm;

13. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện *sản xuất* đồng thời *kinh doanh* hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung (Doanh nghiệp tự soạn)
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/01 giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

14. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp lại (Doanh nghiệp tự soạn)
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận (nếu có)

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.
- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.
- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

15. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ngành công nghiệp (trường hợp hết hiệu lực thi hành)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * *Thành phần hồ sơ:*
 - Văn bản đề nghị cấp lại;
 - Giấy Chứng nhận hoặc bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đã được cấp lần trước;
 - Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, Lệ phí: 100.000 đồng/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/6/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

16. Xác nhận biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Công văn đề nghị của tổ chức, cá nhân;
- 05 (năm) bản Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- Các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

** Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, cất giữ và sử dụng hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: 8.000.000 đồng/bộ

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Công văn đề nghị của tổ chức, cá nhân

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng, cất giữ hoá chất nguy hiểm, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đúng các nội dung đề ra tại Biện pháp

- Biện pháp đã được xác nhận phải được lưu giữ tại cơ sở hóa chất và là căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở hóa chất.

- Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động làm thay đổi những nội dung đề ra trong Biện pháp đã được xác nhận, tổ chức, cá nhân phải gửi báo cáo về Sở Công Thương xem xét, quyết định.

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy xác nhận.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất năm 2007;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/ 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.

- Thông tư số 06/2015/TT-BCT ngày 23/02/2015 của Bộ Công Thương quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, điện lực và hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽¹⁾, ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:

Địa điểm thực hiện:

Điện thoại:Fax:E-mail:

Đề nghị⁽²⁾ xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Sau khi được xác nhận, doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất, Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05/8/2013 của Bộ Công Thương quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Xin gửi kèm theo đơn:

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: (số lượng bản)
- Các tài liệu kèm theo (nếu có)/.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Địa danh.

⁽²⁾ Tên Cơ quan xác nhận Biện pháp.

17. Xác nhận khai báo hoá chất sản xuất

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung;
- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Bản khai báo hóa chất có chữ ký của người đứng đầu cơ sở hoạt động hóa chất.
- Phiếu an toàn hóa chất (MSDS) tiếng Việt. Trường hợp hóa chất đã được khai báo trước đó; tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất phải khai báo không phải nộp lại phiếu an toàn hóa chất và thay bằng bản xác nhận khai báo ở thời điểm gần nhất.

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: 200.000 đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

Bản khai báo hóa chất

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo có trách nhiệm khai báo hóa chất sản xuất trong một năm bằng văn bản đến Sở Công thương trước ngày 31 tháng 01 hàng năm;

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy xác nhận.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 8/4/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

- Thông tư số 40/2011/TT-BCT ngày 14/11/2011 của Bộ Công Thương quy định về khai báo hóa chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI BÁO HOÁ CHẤT

Căn cứ Luật Hóa chất;

Căn cứ Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/ 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số 40/2011/TT-BCT ngày 14/11/2011 của Bộ Công Thương quy định về khai báo hoá chất,

Phần I
THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu hóa chất:	
2. Mã số thuế:	
3. Địa chỉ của trụ sở chính:	
4. Điện thoại:	Fax: Email:
5. Họ và tên người đại diện pháp luật: Chức vụ:	
6. Loại hình hoạt động: Sản xuất <input type="checkbox"/> Nhập khẩu <input type="checkbox"/> Sử dụng <input type="checkbox"/>	
7. Nơi đặt cơ sở sản xuất, sử dụng, bảo quản:	8. Cửa khẩu nhập hoá chất:
9. Các thông tin khác: - Họ tên người phụ trách khai báo: - Số điện thoại di động: - Email:	

Phần II
THÔNG TIN VỀ HOÁ CHẤT
1. Thông tin hóa chất

STT	Mã HS	Mã CAS	Tên thương mại	Tên IUPAC	Công thức hóa học	Khối lượng	Mục đích sản xuất	Xuất xứ
1								
2								

3								
4								
5								

2. Thông tin khác:

2.1. Đối với loại hình nhập khẩu

Số Hóa đơn (Invoice):

Ngày ký hóa đơn (Invoice):

Công ty xuất khẩu:

Quốc gia:

Cửa khẩu nhập hoá chất:

2.2. Đối với loại hình sản xuất

Địa chỉ nơi sản xuất:

Tôi cam đoan tất cả các thông tin khai báo trên đây đúng và đầy đủ theo quy định của Nghị định số 26/2011/NĐ-CP và Thông tư số 40/2011/TT-BCT./.

..., ngày ... tháng ... năm 20 ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI BÁO

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: Khối lượng được khai theo tổng số lượng nhập khẩu của hợp đồng, những lần nhập khẩu tiếp theo khai theo chi tiết của hóa đơn (invoice).

VI. Lĩnh vực điện:

1. Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện

a) Trình tự thực hiện

- Người sử dụng lao động nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét các điều kiện thực tế khác để tổ chức huấn luyện.

- Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp mới thẻ an toàn điện nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, Sở Công Thương cấp mới thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp mới thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại kiểm tra đạt yêu cầu

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ an toàn điện.

h) Phí, Lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j) Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính:

Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo mới được tuyển dụng hoặc chuyển từ công việc khác sang.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

2. Cấp lại thẻ an toàn điện

a) Trình tự thực hiện:

- Người sử dụng lao động nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thực hiện cấp lại thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối cấp lại thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10(mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ an toàn điện.

h) Phí, Lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j) Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo làm mất hoặc làm hỏng thẻ an toàn điện.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;
- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

3. Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện

a) Trình tự thực hiện:

- Người sử dụng lao động nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ.
- Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức, thời gian kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện và kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện cho người lao động.
- Trường hợp từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;
- 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ an toàn điện.

h) Phí, Lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j) Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo có thay đổi bậc an toàn.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

4. Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03 MW đặt tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp giấy phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì Sở Công Thương có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện;

- Bản sao bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà máy điện của cấp có thẩm quyền.

- Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao Hợp đồng mua bán điện.

- Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và cam kết của chủ đầu tư thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật trong việc sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Bản sao Quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đối với nhà máy thủy điện).

- Bản sao biên bản nghiệm thu hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thiện kết nối tín hiệu với hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS của cấp điều độ có quyền điều khiển phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định.

- Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện, tuyến năng lượng;

- Bản đăng ký an toàn đập gửi cơ quan có thẩm quyền; phương án bảo đảm an toàn đập và bảo đảm an toàn vùng hạ du đập theo quy định;

- Báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).

- Bản sao biên bản nghiệm thu cuối cùng hoặc văn bản xác nhận đảm bảo điều kiện vận hành thương mại cho từng tổ máy.

- Bản sao Quy trình phối hợp vận hành nhà máy điện với Đơn vị Điều độ hệ thống điện.

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo mẫu; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 2.100.000 đ/giấy

- Lệ phí: 700.000 đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm.

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;
- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, chuyên gia chính kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Điều kiện chung**

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

+ Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép;

- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ;

- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

*** Điều kiện riêng**

- Có dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện khả thi phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực được duyệt. Có trang thiết bị công nghệ, phương tiện phục vụ, nhà xưởng, công trình kiến trúc theo thiết kế kỹ thuật được duyệt, xây dựng, lắp đặt, kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định.

- Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện hoặc kỹ thuật phù hợp và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện ít nhất 05 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành phù hợp, được đào tạo về an toàn, được đào tạo và cấp chứng chỉ vận hành nhà máy điện, thị trường điện theo quy định.

- Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống điều khiển giám sát, thu thập dữ liệu phù hợp với yêu cầu của hệ thống điện và thị trường điện lực theo quy định của pháp luật.

- Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định đạt yêu cầu kỹ thuật.

- Có báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án phát điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Có hệ thống phòng cháy và chữa cháy của nhà máy điện được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

- Có quy trình vận hành hồ chứa đối với nhà máy thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Các tài liệu pháp lý về an toàn đập thủy điện đối với nhà máy thủy điện theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

- Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:.....

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ... ngày ... tháng ... năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:.....

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²..., cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ

(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, xuất nhập khẩu điện, bán buôn và bán lẻ điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý						
1							
2							
3							
4							
II.	Người trực tiếp vận hành						
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

5. Cấp Giấy phép tư vấn *đầu tư* xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương
- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương có văn nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp giấy phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.
- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì Sở Công Thương có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
- Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.
- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn chính;
- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký của người có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.
- Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.
- Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn của tổ chức đảm bảo đáp ứng cho hoạt động tư vấn.
- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bản sao Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* *Số lượng bộ hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 800.000 đ/giấy

- Lệ phí: 700.000 đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

+ Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép;

- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ;

- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

* Điều kiện riêng

- Là tổ chức tư vấn chuyên ngành, có năng lực chuyên môn về thiết kế công trình, thiết bị đường dây và trạm biến áp, bảo vệ rơ le, điều khiển tự động, đánh giá tác động môi trường, phân tích kinh tế - tài chính dự án cho các công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp phù hợp.

- Có đội ngũ chuyên gia tư vấn bao gồm chuyên gia tư vấn chính và các chuyên gia tư vấn khác có kinh nghiệm trong các lĩnh vực cơ lý đường dây, thiết bị điện, điều khiển tự động, bảo vệ rơ le, tài chính dự án, địa chất, xây dựng, tổ chức thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

- Chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, hệ thống điện, điện kỹ thuật, thiết bị điện, tự động hóa, môi trường, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn và đã tham gia thực hiện ít nhất một dự án đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

- Chuyên gia tư vấn chính làm nhiệm vụ chuyên gia tư vấn chủ trì ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều này còn phải có kinh nghiệm chủ nhiệm đề án, chủ trì thực hiện dự án đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương hoặc đã tham gia thiết kế ít nhất ba dự án đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương.

- Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn đầu tư xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp.

- Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình đường dây và trạm biến áp như sau:

Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

Hạng 2: Có 15 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

Hạng 3: Có 10 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

Hạng 4: Có 05 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

- Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:.....

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ... ngày ... tháng ... năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:.....

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²..., cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
CÁN BỘ QUẢN LÝ, CHUYÊN GIA TƯ VẤN CHÍNH LĨNH VỰC TƯ VẤN
CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LỰC

(Cho lĩnh vực hoạt động tư vấn quy hoạch, tư vấn đầu tư xây dựng điện và tư vấn giám sát thi công các công trình điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Tên dự án, công trình đã tham gia	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý							
1								
2								
3								
4								
5								
II	Chuyên gia tư vấn chính							
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								

6.Cấp Giấy phép tư vấn *giám sát* thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương
- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương có văn nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp giấy phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.
- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì Sở Công Thương có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
- Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.
- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn chính;
- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký của người có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.
- Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.
- Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn của tổ chức đảm bảo đáp ứng cho hoạt động tư vấn.
- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bản sao Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* *Số lượng bộ hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 800.000 đ/giấy

- Lệ phí: 700.000 đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

+ Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép;

- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ;

- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

* Điều kiện riêng:

- Là tổ chức tư vấn chuyên ngành, có năng lực chuyên môn về công nghệ và công trình đường dây và trạm biến áp.

- Có đội ngũ chuyên gia tư vấn bao gồm chuyên gia tư vấn chính và các chuyên gia tư vấn khác có kinh nghiệm trong các lĩnh vực cơ lý đường dây, thiết bị điện, điều khiển tự động, bảo vệ rơ le, tổ chức xây dựng.

- Chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, tự động hóa, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn, đã tham gia giám sát thi công ít nhất một công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương và có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp.

- Chuyên gia tư vấn chính làm nhiệm vụ chuyên gia tư vấn chủ trì ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều này còn phải có kinh nghiệm chủ trì thực hiện giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương hoặc tham gia thực hiện giám sát thi công ít nhất ba công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương.

- Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

- Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình đường dây và trạm biến áp như sau:

Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

Hạng 2: Có 15 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

Hạng 3: Có 10 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

Hạng 4: Có 05 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

- Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:.....

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ... ngày ... tháng ... năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:.....

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau đây:

-.....

-.....

Các giấy tờ kèm theo:

-.....

-.....

Đề nghị ²..., cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
CÁN BỘ QUẢN LÝ, CHUYÊN GIA TƯ VẤN CHÍNH LĨNH VỰC
TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LỰC

(Cho lĩnh vực hoạt động tư vấn quy hoạch, tư vấn đầu tư xây dựng điện và tư vấn giám sát thi công các công trình điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Tên dự án, công trình đã tham gia	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý							
1								
2								
3								
4								
5								
II	Chuyên gia tư vấn chính							
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								

7. Cấp Giấy phép hoạt động *phân phối* điện cấp điện áp 35 kV và có tổng công suất lắp đặt của các trạm biến áp dưới 3MVA đối với khu vực đô thị tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương có văn nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp giấy phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.
- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì Sở Công Thương có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
- Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.
- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành;
- Bản sao bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.
- Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính do tổ chức đang quản lý vận hành hoặc chuẩn bị tiếp nhận theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Bản sao Thỏa thuận đầu nối hoặc Hợp đồng đầu nối.
- Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.
- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu quy định, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* *Số lượng bộ hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 800.000 đ/giấy
- Lệ phí: 700.000 đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:Giấy phép hoạt động điện lực

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;
- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, chuyên gia chính, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:
 - + Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - + Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;
 - + Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
 - + Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép;
- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ;
- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

* Điều kiện riêng:

- Có trang thiết bị công nghệ, phương tiện phục vụ, nhà xưởng, công trình kiến trúc được xây dựng, lắp đặt, kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định, đáp ứng các yêu cầu của công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện

phân phối, các trạm biến áp và các thiết bị đồng bộ kèm theo; hệ thống phòng cháy và chữa cháy đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phân phối điện ít nhất 05 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện hoặc có giấy chứng nhận đào tạo về điện do cơ sở dạy nghề cấp, được kiểm tra quy trình vận hành và quy định an toàn theo quy định pháp luật, trừ trường hợp có quy định khác.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động phân phối điện tại nông thôn phải đáp ứng điều kiện: Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện và có kinh nghiệm làm việc với lưới điện ít nhất 03 năm. Người trực tiếp vận hành, sửa chữa điện phải được đào tạo chuyên ngành điện hoặc có giấy chứng nhận đào tạo về điện do cơ sở dạy nghề cấp, được huấn luyện và sát hạch về an toàn điện và được cấp thẻ an toàn điện theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

- Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:.....

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ... ngày ... tháng ... năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:.....

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²..., cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ

(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, xuất nhập khẩu điện, bán buôn và bán lẻ điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý						
1							
2							
3							
4							
II.	Người trực tiếp vận hành						
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

8. Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0.4kV tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương
- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương có văn nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp giấy phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.
- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì Sở Công Thương có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.
- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý;
- Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp của người có tên trong danh sách.
- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu quy định, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 700.000đ/giấy
- Lệ phí: 700.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đính kèm

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;
- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, chuyên gia chính, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:
 - + Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - + Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;
 - + Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
 - + Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép;
- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ;
- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

* Điều kiện riêng:

- Người trực tiếp quản lý kinh doanh bán lẻ điện phải có bằng trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành điện, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự và có thời gian làm việc trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện ít nhất 05 năm.
- Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện hoặc có giấy chứng nhận đào tạo về điện do cơ sở dạy nghề cấp, được đào tạo an toàn điện theo quy định.
- Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu của thị trường điện lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

- Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:.....

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ... ngày ... tháng ... năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:.....

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²..., cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ

(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, xuất nhập khẩu điện, bán buôn và bán lẻ điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý						
1							
2							
3							
4							
II.	Người trực tiếp vận hành						
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

9. Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị điện lực nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.
- Trường hợp không cấp thẻ, sau 03 ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.
- Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn hoặc quyết định nâng bậc lương công nhân.
- Giấy chứng nhận đạt yêu cầu sát hạch Kiểm tra viên điện lực.
- 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm.
- Bản khai quá trình công tác có xác nhận của cơ quan, đơn vị.

** Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Kiểm tra viên điện lực đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Kiểm tra viên điện lực

h) Phí, Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

** Điều kiện chung:*

- Được đào tạo về chuyên ngành điện, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

- Nắm vững các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

*** Điều kiện riêng:**

- Kiểm tra viên điện lực cấp huyện phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- + Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện.

- + Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

- + Được bố trí công tác tại phòng chuyên môn có chức năng theo dõi về các hoạt động trong lĩnh vực điện lực tại thời điểm đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

- + Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

- Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa bàn tỉnh:

- + Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện hoặc là công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện.

- + Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

10. Cấp lại thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (trường hợp bị mất hoặc bị hỏng)

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị điện lực nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.
- Trường hợp không cấp thẻ, sau 03 ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp lại thẻ của đơn vị quản lý Kiểm tra viên điện lực.
- Đơn đề nghị cấp lại thẻ của Kiểm tra viên điện lực.
- 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm.
- Thẻ Kiểm tra viên điện lực đối với trường hợp thẻ bị hỏng.

* *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Kiểm tra viên điện lực đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Kiểm tra viên điện lực

h) Phí, Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* *Điều kiện chung:*

- Được đào tạo về chuyên ngành điện, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.
- Nắm vững các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; có khả năng nghiên

cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

* Điều kiện riêng:

- Kiểm tra viên điện lực cấp huyện phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện.

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

+ Được bố trí công tác tại phòng chuyên môn có chức năng theo dõi về các hoạt động trong lĩnh vực điện lực tại thời điểm đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

+ Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

- Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa bàn tỉnh:

+ Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện hoặc là công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện.

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

VII. Lĩnh vực công nghiệp nặng

1. Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B, C

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương. Riêng Tờ trình cần gửi riêng một bản cho Văn thư Sở Công Thương;
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày, Sở Công Thương thông báo ý kiến bằng văn bản gửi cho Doanh nghiệp.
- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ, trường hợp từ chối, phải nêu rõ lý do;

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Tờ trình xin ý kiến về Thiết kế cơ sở;
- Hồ sơ pháp lý của Doanh nghiệp là chủ đầu tư và Doanh nghiệp hoặc cá nhân làm tư vấn (Giấy phép thành lập doanh nghiệp, Đăng ký kinh doanh, Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh, Chứng chỉ hành nghề);
- Bản sao các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, Giấy phép có liên quan đến công tác thăm dò, khai thác khoáng sản và văn bản phê duyệt các tài liệu địa chất, địa hình, trữ lượng khoáng sản sử dụng để thiết kế;
- Quyết định chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài của cấp có thẩm quyền trong trường hợp Thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn nước ngoài;

** Số lượng hồ sơ: 3 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Công văn tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở.

h) Phí, Lệ phí: theo quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình xin ý kiến về thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ lộ thiên
- Tờ trình xin ý kiến về thiết kế cơ sở của Dự án khai thác mỏ hầm lò

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản rắn và các tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế mỏ, thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14/11/2013 của Bộ Công Thương và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

....., ngày..... tháng năm 201...

TỜ TRÌNH
XIN Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ
của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thoả thuận về quy hoạch xây dựng của.....nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của...hoặc văn bản thoả thuận về môi trường của...;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (về tài liệu địa chất, thoả thuận địa điểm, giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, v.v.....);

(Tên Chủ đầu tư) trình xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án
2. Chủ đầu tư
3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án
4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở
5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường
6. Mục tiêu đầu tư
7. Công suất thiết kế
 - Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến:tấn/năm.
 - Tính theo sản phẩm đã chế biến:tấn/năm.

8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chủ yếu.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các thông số chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất::.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích khai trường:.....Ha.

- Diện tích bãi thải:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sản công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án

Các nội dung khác (nếu có)

Kính đề nghị cơ quantham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CHỨC DANH CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ

Số: /TTr-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 201...

TỜ TRÌNH

XIN Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ

của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14/11/2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thoả thuận về quy hoạch xây dựng của.....nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của...(hoặc văn bản thoả thuận về môi trường của...);

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (về tài liệu địa chất, thoả thuận địa điểm, giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản,.v.v.....);

(Tên Chủ đầu tư) trình xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án

2. Chủ đầu tư

3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án

4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở

5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

6. Mục tiêu đầu tư

7. Công suất thiết kế

- Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến:tấn/năm.

- Tính theo sản phẩm đã chế biến:tấn/năm.

8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chính.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các thông số chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất::.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích mặt bằng các cửa lò:.....Ha.

- Diện tích khai trường khu vực lộ vĩa cần bảo vệ:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án

Các nội dung khác (nếu có)

Kính đề nghị cơ quantham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CHỨC DANH CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

2. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, Sở Công Thương tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở (khi cần thiết).

- Sở Công Thương có văn bản thông báo kết quả xác nhận ưu đãi chậm nhất sau ba mươi (30) ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Thuyết minh dự án:
 - + Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng;
 - + Trường hợp dự án đang sản xuất:

Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất;

Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).

- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

**Số lượng hồ sơ: 06 bộ (01 bản chính và 05 bản sao)*

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp nhỏ và vừa xin cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

f) Phí, Lệ phí: không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận ưu đãi

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị xác nhận ưu đãi

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi;

- Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung phần thay đổi) tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

- Sự phù hợp của dự án sản xuất đối với các quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Thủ tục pháp lý của dự án.

- Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án.

- Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án.

- Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

j) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

- Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

- Công văn số 340/UBND-KTN ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh v/v triển khai thực hiện việc xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;

- Quyết định số 14768/QĐ-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số hiệu Công văn

....., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ƯU ĐÃI

Kính gửi: Sở Công Thương

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Địa chỉ liên lạc: Điện thoại:

Fax: E-mail:

3. Hồ sơ kèm theo:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Thuyết minh dự án:

- Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

- Trường hợp dự án đang sản xuất:

+ Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

+ Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

c) Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).

d) Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có).

4. Sau khi nghiên cứu các quy định tại Nghị định số 111/2015/NDD-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và các văn bản liên quan khác, (tổ chức, cá nhân) xin (cơ quan có thẩm quyền) xác nhận ưu đãi cho dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:

- Loại sản phẩm (đánh dấu X vào ngành xác nhận ưu đãi):

Dệt may
Da giày
Điện tử

Cơ khí chế tạo
Sản xuất lắp ráp ô tô
Công nghệ cao

- Giải trình sản phẩm theo Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

.....

.....

.....

5. Các chính sách xin hưởng ưu đãi:

(Căn cứ vào Điều 12, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, (tổ chức, cá nhân) liệt kê các chính sách xin hưởng ưu đãi).

6. Cam kết của tổ chức, cá nhân:

- Có sản phẩm theo đăng ký đã được xác nhận ưu đãi trong thời gian 18 tháng kể từ thời điểm được xác nhận ưu đãi.
- Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền nếu có sự thay đổi về sản phẩm xin xác nhận đã được hưởng ưu đăitrong quá trình sản xuất.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VIII. Lĩnh vực thương mại quốc tế

1. Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ bằng văn bản đề thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- *Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam:* Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

- *Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành:*

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành,

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Sở Công Thương cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài ký;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

-Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện(*Kèm theo bản dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam*);

- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:

- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện (điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật) (nếu có)

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:thương nhân nước ngoài

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Sở Công Thương;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập

h) Phí, Lệ phí: chưa có (áp dụng quy định hiện hành:3.000.000 đồng/giấy).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: mẫu đính kèm

- Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;

- Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

- Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

- Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành).

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

.....

.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

2. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (do chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện)

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại nơi chuyển đi, thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương. Nếu quá thời hạn nêu trên, thương nhân nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như trường hợp cấp mới theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ bằng văn bản để thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi ;

- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;

- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến:

+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật. (nếu có)

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân nước ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương;

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập

g) Phí, Lệ phí: chưa có (thực hiện theo quy định hiện hành, lệ phí : 1.500.000 đồng/giấy phép).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số:

.....(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số:

.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)⁴ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...⁵ như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-.....

-.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện⁶:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁴ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

⁵ Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

⁶ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

3. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức)

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ bằng văn bản đề thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân nước ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương;

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập

g) Phí, Lệ phí: chưa có (thực hiện theo quy định hiện hành, lệ phí : 1.500.000 đồng/giấy phép).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Đề nghị cấp lại⁴ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....

⁷Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁷ Áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

4. Cấp điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi các nội dung sau, Thương nhân nước ngoài lập hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương

+ Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.

+ Thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam.

+ Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

+ Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

+ Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

+ Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý.

+ Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Chi nhánh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ bằng văn bản đề thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản nêu rõ lý do.

- *Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành:*

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành,

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Sở Công Thương cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:

+ *Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài:* Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài (*Kèm theo bản dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam*).

+ *Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện:* Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (*Kèm theo bản dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam*)(nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.

+ *Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý:* Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân nước ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương;

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập

g) Phí, Lệ phí: chưa có (thực hiện theo quy định hiện hành, lệ phí : 1.500.000 đồng/giấy phép).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:

- Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.
- Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện.
- Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện.
- Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.
- Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt:.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../.....

⁸Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁸Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

5. Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Trước khi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện hết hạn ít nhất 30 ngày, thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ bằng văn bản đề thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy phép gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản nêu rõ lý do.

- *Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành:*

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành,

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Sở Công Thương cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (*Kèm theo bản dịch ra tiếng Việt*);

- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước

ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất(*Kèm theo bản dịch ra tiếng Việt*);

- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân nước ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương;

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép gia hạn

g) Phí, Lệ phí: chưa có (thực hiện theo quy định hiện hành, lệ phí : 1.500.000 đồng/giấy phép).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi hết thời hạn quy định trong Giấy phép, trừ trường hợp có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp sau:

+ Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép.

+ Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp.

+ Không gửi báo cáo cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản.

+ Trường hợp khác theo quy định pháp luật.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp:
.../.../... Cơ quan cấp:.....

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....

⁹Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời điểm gia hạn:... người;
trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;

- Số lao động Việt Nam: ... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁹ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

6. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của Sở về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện;

- *Trường hợp hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Sở Công Thương đồng ý gia hạn: Bản sao Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy pháp thành lập Văn phòng đại diện đối với trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do:*

+ Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép.

+ Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp.

+ Không gửi báo cáo cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản.

+ Trường hợp khác theo quy định pháp luật.

- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân nước ngoài

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

h) Phí, Lệ phí: không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện/ chi nhánh tại Việt Nam

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài;

- Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.

- Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn;

- Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn;

- Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh do

+ Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép.

+ Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp.

+ Không gửi báo cáo cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản.

+ Trường hợp khác theo quy định pháp luật.

- Thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện không còn đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

-Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: ... (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: ... /.../.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

¹⁰Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:.....

3. Các khoản khác:.....

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam:

Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹⁰Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này

IX. Lĩnh vực Dầu khí:

1. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ 210m³ đến dưới 5.000m³

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho xăng dầu có dung tích kho dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho xăng dầu để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại - Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều

chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho xăng dầu thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu của tổ chức, cá nhân;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh xăng dầu;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu xăng dầu khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho xăng dầu;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư; Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình xăng dầu;

**Số lượng hồ sơ: 09 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đầu tư kho xăng dầu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu của Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được đào tạo về chuyên ngành kinh tế, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý kinh doanh xăng dầu.

- Nắm vững các quy trình, quy định về công tác quản lý quy hoạch; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác quy hoạch.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu
tư kho xăng dầu, kho LPG, kho
LNG vào quy hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LPG để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại - Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định

tham dự phiên họp thẩm định bổ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LPG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LPG của tổ chức, cá nhân;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LPG chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LPG;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LPG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LPG;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư; Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LPG;

**Số lượng hồ sơ: 09 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đầu tư kho LPG đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG của Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được đào tạo về chuyên ngành kinh tế, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý kinh doanh LPG.

- Nắm vững các quy trình, quy định về công tác quản lý quy hoạch; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác quy hoạch.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng.

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu
tư kho xăng dầu, kho LPG, kho
LNG vào quy hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LNG để hoàn chỉnh hồ sơ.
- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.
- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.
- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.
- Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại - Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.
- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.
- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định

tham dự phiên họp thẩm định bổ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LNG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LNG của tổ chức, cá nhân;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LNG chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LNG;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư; Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LNG;

**Số lượng hồ sơ: 09 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đầu tư kho LNG đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG của Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được đào tạo về chuyên ngành kinh tế, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý kinh doanh LNG.

- Nắm vững các quy trình, quy định về công tác quản lý quy hoạch; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác quy hoạch.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng.

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu
tư kho xăng dầu, kho LPG, kho
LNG vào quy hoạch

Kính gửi: ...(2)...

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG vào quy hoạch tại Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

X. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại:

1. Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại. Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại;
- Thẻ lệ chương trình khuyến mại;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Thương nhân;
- Hình ảnh sản phẩm khuyến mại;
- Hình ảnh sản phẩm dùng để khuyến mại;
- Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng;
- Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa khuyến mại (theo quy định của pháp luật nếu có);
- Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu (đối với sản phẩm khuyến mại nhập khẩu);
- Danh sách các địa điểm sẽ tiến hành hoạt động khuyến mại và các điểm đổi thưởng;
- Giấy ủy quyền làm thủ tục khuyến mại (nếu có);

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại.
- Thẻ lệ chương trình khuyến mại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;
- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

Tên thương nhân

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200...

ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax: Email:

Mã số thuế:

Số tài khoản: tại Ngân hàng:

Người liên hệ:..... Điện thoại:.....

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/04/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại:

2. Thời gian khuyến mại:

3. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại:

4. Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại:

5. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:

6. Hình thức khuyến mại:

7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):

8. Tổng giá trị giải thưởng:

Thẻ lệ chương trình khuyến mại đính kèm.

(Tên thương nhân) gửi kèm Báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại của (tên chương trình khuyến mại liên kế trước đó nếu có)

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên & đóng dấu)

THẺ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI
(Kèm theo công văn số ngày...../... /200...của)

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại:
3. Thời gian khuyến mại:
4. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
5. Hình thức khuyến mại:
6. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại):
7. Cơ cấu giải thưởng:

Cơ cấu giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Trị giá giải thưởng (VNĐ)	Số giải	Thành tiền (VNĐ)
Giải nhất				
Giải nhì				
Giải khuyến khích				
Tổng cộng:				

Chú ý:

- Đề nghị miêu tả chi tiết nội dung và ký mã hiệu từng giải thưởng;
- Quy định rõ giải thưởng có được quy đổi thành tiền mặt hay không;
- Tổng giá trị giải thưởng so với tổng giá trị hàng hoá khuyến mại;

8. Nội dung chi tiết thẻ lệ chương trình khuyến mại:

- Cách thức tiến hành chương trình khuyến mại và tham gia để trúng thưởng; quyền lợi của khách hàng khi tham gia chương trình khuyến mại.
- Tổng số bằng chứng xác định trúng thưởng (phiếu cào, phiếu rút thăm, nắp chai, khoen lon...) sẽ phát hành.
- Quy định về cách thức xác định trúng thưởng:
 - Cách thức đưa bằng chứng xác định trúng thưởng vào sản phẩm khuyến mại:
 - Quy định về tính hợp lệ của bằng chứng xác định trúng thưởng:
 - Thời gian, địa điểm và cách thức xác định trúng thưởng:
 - Thời hạn tiếp nhận thông báo trúng thưởng từ khách hàng trúng thưởng:
 - Địa điểm, cách thức và thủ tục trao thưởng:

- Thời hạn kết thúc trao thưởng:
- Quy định về đầu mối giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến chương trình khuyến mại (người liên hệ, điện thoại...).

9. Trách nhiệm thông báo:

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo công khai chi tiết nội dung của thể lệ chương trình khuyến mại (trên phương tiện thông tin đại chúng; tại địa điểm bán sản phẩm khuyến mại; trên hoặc đính kèm sản phẩm khuyến mại).
- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo kết quả trúng thưởng trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng và thông báo trực tiếp cho người trúng thưởng.

10. Các qui định khác

- Quy định cụ thể các đối tượng được tham gia hoặc không được tham gia chương trình khuyến mại (áp dụng hoặc không áp dụng cho nhân viên của doanh nghiệp, các đại lý, nhà phân phối, nhà quảng cáo, in ấn phục vụ chương trình khuyến mại, vị thành niên, trẻ em...)
- Trách nhiệm của người tham gia chương trình đối với chi phí phát sinh khi nhận thưởng, kể cả thuế thu nhập không thường xuyên.
- Ý định sử dụng thông tin và hình ảnh của người trúng thưởng vào các hoạt động quảng cáo.
- Qui định về trách nhiệm của thương nhân trong khâu in ấn và đưa bằng chứng xác định trúng thưởng vào sản phẩm khuyến mại.
- Qui định về trách nhiệm của thương nhân trong việc lưu trữ bằng chứng trúng thưởng của thương nhân phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát.
- Trách nhiệm của thương nhân trong trường hợp có khiếu nại, tranh chấp....

Đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên & đóng dấu)

2. Đăng ký sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại. Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
- Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại;

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;
- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cv số:

....., ngày tháng năm 200...

**ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI**

Kính gửi:

- Tên thương nhân:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:Fax:.....Email:.....
- Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại;

Căn cứ vào công văn số..... ngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Thương mại) xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại);

(Tên thương nhân) đăng ký điều chỉnh một số nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:

- ☐ Thời gian khuyến mại:.....
- ☐ Địa bàn (phạm vi) thực hiện khuyến mại:
- ☐ Cơ cấu giải thưởng:.....
- ☐ Các nội dung điều chỉnh khác:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(Tên thương nhân) cam kết:

- Thông báo công khai việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại này tại nơi bán hàng và trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng để khách hàng được biết.
- Thông báo việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại đến các Sở Thương mại thuộc các tỉnh, thành phố nơi thực hiện khuyến mại (trường hợp Bộ Thương mại xác nhận việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại).
- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại.
- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (Các cam kết khác)

Đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên & đóng dấu)

3. Thông báo thực hiện khuyến mại

a) Trình tự thực hiện:

- Chậm nhất 07 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại, Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ thông báo thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Thông báo thực hiện chương trình khuyến mại;

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thực hiện chương trình khuyến mại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;
- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 200...

THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax: Email:

Mã số thuế:

Số Tài khoản: tại Ngân hàng:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) thông báo chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
3. Hình thức khuyến mại:
4. Thời gian khuyến mại:
5. Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại:
6. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại:
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):
.....
8. Cơ cấu giải thưởng:
9. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại:
10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại:

(Tên thương nhân) thông báo đến Quý Sở và cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

(Bản sao văn bản của Cục Xúc tiến thương mại xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại gửi kèm - nếu có).

Đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên & đóng dấu)

4. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại

a) Trình tự thực hiện:

- Chậm nhất 07 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại, Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ thông báo thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại

**Số lượng hồ sơ: 02 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: trong ngày

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Đóng dấu xác nhận

h) Phí, Lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;
- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

Tên thương nhân

Cv số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200...

**THÔNG BÁO/ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI**

Kính gửi: Sở Công Thương Bình Dương

- Tên thương nhân:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại: Fax:..... Email:.....

- Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại;

Căn cứ vào công văn số..... ngày... tháng... năm... của Sở Công Thương xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (*tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại*);

(*Tên thương nhân*) đăng ký điều chỉnh một số nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:

☐ Thời gian khuyến mại:.....

☐ Địa bàn (phạm vi) thực hiện khuyến mại:

☐ Cơ cấu giải thưởng:.....

☐ Các nội dung điều chỉnh khác:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(*Tên thương nhân*) cam kết:

- Thông báo công khai việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại này tại nơi bán hàng và trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng để khách hàng được biết.

- Thông báo việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại đến các Sở Công Thương thuộc các tỉnh, thành phố nơi thực hiện khuyến mại (*trường hợp Bộ Thương mại xác nhận việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại*).

Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại

- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- (*Các cam kết khác*)

Đại diện theo pháp luật của thương nhân
(*Ký tên & đóng dấu*)

5. Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân, tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại tại Việt Nam.
- Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc tương đương) có chức năng kinh doanh hội chợ, triển lãm thương mại;
- Bảng chứng chứng minh chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại hoặc uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phù hợp với tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có);

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp thương nhân, tổ chức nộp hồ sơ trước ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: Trước ngày 01 tháng 11 của năm trước năm tổ chức, sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
- Trường hợp thương nhân, tổ chức nộp hồ sơ sau ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i). Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

Tên thương nhân

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200...

**ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC
HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:.....Email:
- Mã số thuế:
- Số tài khoản: tại Ngân hàng:
- Người liên hệ:.....Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại tỉnh/thành phố (tại nước ngoài) như sau:

1. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ 1:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) :
- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):
- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức (tên đầy đủ/viết tắt):
- Thời gian:.....
- Địa điểm:
- Chủ đề (nếu có):
- Tính chất: chuyên ngành/ tổng hợp:
- Ngành hàng dự kiến tham gia:
- Số lượng gian hàng hoặc số lượng gian hàng quy đổi (số doanh nghiệp) dự kiến tổ chức:
- Cơ quan, đơn vị phối hợp trong và ngoài nước:

2. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ ...

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) :
- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):
- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức (tên đầy đủ/viết tắt):
- Thời gian:.....
- Địa điểm:
- Chủ đề (nếu có):

- Tính chất: chuyên ngành/ tổng hợp:
- Ngành hàng dự kiến tham gia:
- Số lượng gian hàng hoặc số lượng gian hàng quy đổi (số doanh nghiệp) dự kiến tổ chức:
- Cơ quan, đơn vị phối hợp trong và ngoài nước:

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên & đóng dấu)

6. Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân, tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân, tổ chức thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại tại Việt Nam.

Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại;

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân, tổ chức .

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;
- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

Tên thương nhân
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200...

THAY ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM
THƯƠNG MẠI

Kính gửi:

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Email:
- Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại;

Căn cứ vào công văn số ngày ... tháng ... năm ... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Thương mại) xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại năm..... tại, (tên thương nhân) đề nghị thay đổi, bổ sung một số nội dung đã đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như sau:

- ☐ Tên (chủ đề) hội chợ, triển lãm thương mại:
- ☐ Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức:
- ☐ Thời gian tổ chức:
- ☐ Địa điểm tổ chức:
- ☐ Số lượng gian hàng (doanh nghiệp) của Việt Nam dự kiến tham gia:
- ☐ Ngành hàng tham dự:

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội chợ/ triển lãm thương mại trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên & đóng dấu)

7. Chấp thuận đăng ký tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân, tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân, tổ chức thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại tại Việt Nam. Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (theo mẫu);
- Bản sao không cần chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc tương đương) có chức năng kinh doanh hội chợ, triển lãm thương mại;
- Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu có).
- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác nhận hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc theo quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận

h) Phí, Lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/04/2006 của Chính Phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Bộ Thương mại - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

Tên Doanh nghiệp
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 200...

ĐĂNG KÝ
TỔ CHỨC TRUNG BÀY HÀNG GIẢ, HÀNG VI PHẠM
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỂ SO SÁNH VỚI HÀNG THẬT

Kính gửi: Sở Công Thương Bình Dương

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) đăng ký tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật như sau:

Tên, thời gian, địa điểm của hội chợ, triển lãm thương mại sẽ trưng bày hàng giả/hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, tên đơn vị tổ chức:

Tên gian hàng trưng bày hàng giả/hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ:

.....

Loại hàng hóa trưng bày (chi tiết):

Số lượng hàng hóa trưng bày (chi tiết cho từng loại hàng hoá):

(Tên thương nhân) gửi kèm:

- ☐ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc tương đương).
- ☐ Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu có).
- ☐ Giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác nhận hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm theo các qui định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên & đóng dấu)

XI. Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh:

1. Xác nhận thông báo hoạt động bán hàng đa cấp

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo.
- Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ Sở Công Thương gửi xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* *Thành phần hồ sơ:*

- Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp;
- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;
- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp các tài liệu:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bản in Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư.
 - + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy xác nhận hoặc Chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật trong trường hợp kinh doanh hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện tại địa phương (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: năm (05) ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp bán hàng đa cấp

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận tiếp nhận Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp

i) Phí, lệ phí: chưa quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

- Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số::

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....

Email (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):.....

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:.....

Do:.....Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh/thành phố..... như sau:

1. Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

2. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

Điện thoại:Fax:Email:

3. Người liên hệ:.....Điện thoại:.....

4. Hàng hóa kinh doanh đa cấp tại địa phương:.....

.....

.....

5. Văn bản, tài liệu kèm theo:

.....

.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

2. Xác nhận thông báo sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi, doanh nghiệp gửi thông báo cùng các tài liệu có nội dung thay đổi trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo.

- Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ Sở Công Thương gửi xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* *Thành phần hồ sơ:*

- Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp;

- Các tài liệu có nội dung thay đổi nội dung hoạt động bán hàng đa cấp

* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: năm (05) ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp bán hàng đa cấp

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận tiếp nhận Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp

i) Phí, lệ phí: chưa quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

- Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**THÔNG BÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
HỒ SƠ THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Lần thay đổi gần nhất:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email (nếu có):

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

Căn cứ Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp/Xác nhận tiếp nhận thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoạt động bán hàng đa cấp số..... của ngày tháng năm

Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoạt động bán hàng đa cấp của doanh

nghiệp trên địa bàn tỉnh/thành phố..... như sau:

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

.....

II. Lý do sửa đổi, bổ sung

.....

III. Văn bản, tài liệu kèm theo

.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

3. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo; Rà soát, đối chiếu nội dung hồ sơ thông báo bảo đảm sự phù hợp với hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã được Cục Quản lý cạnh tranh xác nhận.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương:

+ Gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo;

+ Thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ hoặc chưa phù hợp với hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã được Cục Quản lý cạnh tranh xác nhận. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, Tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo;

- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

- Nội dung, chương trình, kịch bản, tài liệu của hội nghị, hội thảo, đào tạo, số lượng người tham gia dự kiến;

- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo;

- Bản sao Chứng chỉ đào tạo viên trong trường hợp đào tạo người tham gia bán hàng đa cấp;

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo;

- Trong trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo có nội dung thông tin về hàng hóa được kinh doanh theo phương thức đa cấp, doanh nghiệp bổ sung:

+ Danh mục sản phẩm kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp

được giới thiệu tại hội nghị, hội thảo, đào tạo;

+ Bản sao văn bản xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm tại hội nghị, hội thảo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gồm một hoặc một số giấy tờ sau: giấy xác nhận đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị giới thiệu thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm; phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm đối với sản phẩm mỹ phẩm.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.

h) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

i) Phí, lệ phí: không có

j) Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

- Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Bình Dương, ngày tháng năm.....

**THÔNG BÁO TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, ĐÀO TẠO
VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....

Email (nếu có):

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):.....

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:.....

Do:.....Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo trên địa bàn tỉnh/thành
phố..... với nội dung như sau:**

1. Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo:

2. Thời gian:
3. Địa chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại địa phương:
4. Nội dung:
5. Văn bản, tài liệu kèm theo:
-
-
-
6. Người liên hệ:..... Điện thoại:.....
-

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên và đóng dấu)

5. Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công thương

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp hồ sơ đăng ký không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh bổ sung hồ sơ, tài liệu.
- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung hồ sơ, tài liệu trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, tài liệu.
- Chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm ra thông báo về kết quả xử lý hồ sơ.
- Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được công bố công khai và lưu trữ trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký.
- Trường hợp không chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, Sở Công Thương phải gửi văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân kinh doanh trong đó nói rõ lý do không chấp nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương tiện điện tử:
 - + 01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;
 - + 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word;
- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức khác:
 - + 01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;
 - + 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ;

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp¹¹

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, lệ phí: Không quy định

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010;
- Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.
- Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi bổ sung quyết định 02/2012/QĐ/2012/QĐ-TTg ngày 13/1/2015 về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

¹¹ Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/01/2012 ban hành Danh mục hàng hóa thiết yếu về đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi bổ sung quyết định 02/2012/QĐ/2012/QĐ-TTg ngày 13/1/2015 về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG (1)

Kính gửi (2): Tổ chức, cá nhân kinh doanh (3):

I. Nội dung đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung(1):

1. Đăng ký lần đầu/đăng ký lại:
2. Áp dụng cho loại hàng hóa/dịch vụ:
3. Đối tượng áp dụng (4):
4. Phạm vi áp dụng (5):
5. Thời gian áp dụng (6):

II. Tổ chức, cá nhân kinh doanh cam kết và hiểu rằng:

1. Đảm bảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tuân thủ các quy định pháp luật là nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh;
2. Bất cứ khi nào phát hiện thấy nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cơ quan chấp nhận đăng ký có quyền và trách nhiệm yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm đó.
3. Đã tìm hiểu kỹ quy định pháp luật và cam kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung nộp kèm theo Đơn đăng ký này không có các điều khoản vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng.
4. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung đơn đăng ký và tài liệu kèm theo.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh (7)
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo (8):

Hướng dẫn ghi đơn đăng ký:

- (01) Đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu **hay** điều kiện giao dịch chung.
- (02) - Cục Quản lý cạnh tranh: trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung áp dụng trên phạm vi cả nước hoặc áp dụng trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;
- Sở Công Thương: trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung áp dụng trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (03) Ghi rõ những thông tin sau đây:

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy Chứng nhận đầu tư

Địa chỉ liên lạc

Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến hàng hóa/dịch vụ đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung

Điện thoại, fax, email (nếu có)

Người liên hệ (Họ tên, điện thoại, email)

- (04) Ghi rõ đối tượng người tiêu dùng là tổ chức, cá nhân hay áp dụng cho tất cả người tiêu dùng.
- (05) Áp dụng trên cả nước hay một, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong trường hợp không áp dụng trên cả nước).
- (06) Thời gian bắt đầu áp dụng: ghi thời gian áp dụng cụ thể nếu không áp dụng ngay sau ngày hoàn thành việc đăng ký (nếu có) hoặc ghi áp dụng từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký.
- (07) Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh. Người đại diện theo ủy quyền ký thì cần gửi kèm theo Giấy Ủy quyền.
- (08) - Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương tiện điện tử:
01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;
01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word;
- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức khác:
01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;
01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.

XII. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước:

1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

a) Trình tự thực hiện

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;
- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho thương nhân.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh;
- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu, kèm theo các tài liệu chứng minh;
- Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân, kèm theo các tài liệu chứng minh;
- Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, lệ phí:

- Trên địa bàn thị xã/thành phố: 1.400.000đ/giấy
- Trên địa bàn huyện: 700.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.
- Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.
- Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.
- Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25, Nghị định 83/2014/NĐ-CP.
- Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.
- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM
TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương (1)/Sở Công Thương tỉnh thành phố ...(2)

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

*** Chú thích:**

(1): Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Bộ Công Thương khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

(2): Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Sở Công Thương khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu;

- Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân .

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn thị xã/thành phố: 200.000 đ/giấy

- Trên địa bàn huyện: 100.000 đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

- Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương (1)/Sở Công Thương tỉnh thành phố ...(2)

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp cấp bổ sung, sửa đổi kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

(1): Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Bộ Công Thương khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

(2): Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Sở Công Thương khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có);

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn thị xã/thành phố: 200.000 đ/giấy

- Trên địa bàn huyện: 100.000 đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

- Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM
TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương (1)/Sở Công Thương tỉnh thành phố ...(2)

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp lại (do bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy) kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

(1): Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Bộ Công Thương khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

(2): Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Sở Công Thương khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4.Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho thương nhân.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân chủ sở hữu cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
- Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh;
- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu, kèm theo các tài liệu chứng minh;
- Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã/thành phố: 1.400.000đ/giấy
- Trên địa bàn huyện: 700.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM
ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

*** Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:**

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho đại lý của thương nhân cấp hàng.

*** Chú thích:** Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho thương nhân.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đầy đủ các điều kiện theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã/thành phố: 200.000đ/giấy
- Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:** Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

6. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đầy đủ các điều kiện theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã/thành phố: 200.000đ/giấy

- Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.
- Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.
- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM
ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp lại (do bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy) kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

* **Chú thích:** Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

7. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho thương nhân.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân chủ sở hữu cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
- Tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã/thành phố: 1.400.000đ/giấy

- Trên địa bàn huyện: 700.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).
- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

..... , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.

8. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho thương nhân.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
- Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã/thành phố: 200.000đ/giấy
- Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).
- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

Địa chỉ

Điện thoại: số Fax:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.

9. Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã/thành phố: 200.000đ/giấy

- Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).
- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.

10. Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương có quyền từ chối cấp phép bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ* :

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá) và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

- Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

+ Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

+ Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

+ Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá hoặc

doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá khác, các khoản thuế đã nộp (Nếu đã kinh doanh trước đây);

+ Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối.

- Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

- Hồ sơ về phương tiện vận tải (có tải trọng từ 500 kg trở lên), bao gồm: Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận tải (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên) với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm);

- Hồ sơ về năng lực tài chính: Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 01 tỷ Việt Nam đồng trở lên);

- Hồ sơ về kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng: tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên), bao gồm:

+ Tài liệu chứng minh quyền sử dụng kho (là sở hữu, đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

+ Bản tự cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật đối với kho hàng

* *Số lượng hồ sơ*: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép

h) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã : 1.400.000 đ/giấy

- Trên địa bàn Huyện: 700.000 đ/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Bản tự cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật đối với kho hàng.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);
- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá;
- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho;
- Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển;
- Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 01 tỷ Việt Nam đồng trở lên);
- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá,
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ

kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương(1)

1. Tên thương nhân:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị Sở Công Thương(1) xem xét cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:
6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(2)
 - Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố.....(1)
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(3)....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự định xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC
YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi:(1)

1. Tên thương nhân :
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép (Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương tỉnh, thành phố) nơi thương nhân đề nghị xin cấp Giấy phép

11. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc theo quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép

h) Phí, Lệ phí (nếu có):

- Trên địa bàn Thị xã: 200.000đ/giấy
- Trên địa bàn Huyện: 100.000đ/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá,
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có).....(1)
...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(2)
Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố
10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:
 - a) Đề nghị sửa đổi:
Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:(4).....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

12. Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại
- Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có);

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép

h) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn Thị xã: 200.000đ/giấy
- Trên địa bàn Huyện: 100.000đ/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá,

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Sở Công Thương.....

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
8. ...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do (1).....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

13. Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

- Bản cam kết do doanh nghiệp tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu, các khoản thuế đã nộp;

+ Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống bán buôn.

- Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (nếu đã kinh doanh) của các doanh nghiệp đã hoặc sẽ thuộc hệ thống bán buôn sản phẩm rượu (tối thiểu phải có từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên).

- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ địa bàn, loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

- Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của doanh nghiệp dự kiến kinh doanh.

- Hồ sơ về phương tiện vận chuyển bao gồm: bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận chuyển (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); tối thiểu phải có quyền sử dụng 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển.

- Hồ sơ về năng lực tài chính: có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng có số dư tài khoản tối thiểu 300 triệu đồng).

- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

* *Số lượng hồ sơ*: 02 bộ, 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

h) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn thị xã: 1.400.000đ/giấy

- Trên địa bàn huyện: 700.000đ/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

- Trực thuộc hệ thống kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 150 m³ trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

- Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 300 triệu Việt Nam đồng trở lên);

- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương v62 việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Sở Công Thương⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Sở Công Thương⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, cụ thể:

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽³⁾

b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố.....⁽¹⁾

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp dự định xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

14. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.
- Trong thời hạn , Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp bổ sung, sửa đổi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

h) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
- Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

j) Yêu cầu, điều kiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

3. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾....
của⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽⁵⁾....

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
.....⁽⁶⁾....

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾
của⁽⁴⁾ sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽⁵⁾

Được phép tổ chức⁽²⁾ sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
.....⁽⁶⁾

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:

.....⁽⁷⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽⁴⁾: Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu

⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

⁽⁶⁾: Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố

⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

15. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.
- Trong thời hạn Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu;
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).
- Thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất).

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

h) Phí, Lệ phí:

- Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
- Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép đề kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

16. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * *Thành phần hồ sơ:*
 - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai;
 - Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào chai phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
 - Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;
 - Bản sao:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG;
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường;
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ;
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động của trạm nạp;
 - + Các quy trình: nạp LPG vào chai, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động
- * *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân là thương nhân kinh doanh LPG đầu mối;

- Trạm nạp LPG vào chai phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng;

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường;

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- Trạm nạp, thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và thiết bị phụ trợ phải tuân thủ các quy định về an toàn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành;

- Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và có nguy cơ gây mất an toàn được kiểm định theo quy định;

- Có đầy đủ các quy trình: Nạp LPG vào chai, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và các quy định về an toàn;

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG VÀO CHAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương(1)

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp số...docấp
ngày...tháng...năm.....

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện số...do...cấp ngày...tháng...năm.....(2)

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG
vào chai cho theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Nhãn hiệu hàng hóa:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản
pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

..... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích”

(1): tỉnh, thành phố.

(2): Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều
kiện làm thương nhân phân phối LPG.

17. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai;
- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - + Trên địa bàn huyện:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

18. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

19. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai;
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

20. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải;
- Bản sao:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG;
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường;
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn LPG vào phương tiện vận tải.
- Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối

- Trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp LPG vào phương tiện vận tải đã được kiểm định và đăng ký theo quy định.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều

kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG/LNG/CNG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp
LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản
pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

21. Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải;

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

22. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

23. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải;

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

24. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG;
- Bản sao:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG;
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường;
- Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.

- Trạm cấp LPG vào phương tiện vận tải phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP LPG/LNG/CNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/ hộ kinh doanh số:... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp
LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng
3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm cấp:

Địa chỉ trạm cấp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

25. Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG;
- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

26. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

27. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG;
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

28. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG;
- Bản sao:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.
 - + Hợp đồng đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.
- Tài liệu chứng minh có kho chứa chai LPG và LPG chai thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê.
- Danh sách hệ thống phân phối và các hợp đồng đại lý kinh doanh LPG.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Có kho với tổng sức chứa tối thiểu 2.000 chai LPG và LPG chai (trừ chai LPG mini) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu 01 năm

- Có hệ thống phân phối LPG, bao gồm: cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện và có tối thiểu 10 đại lý đáp ứng đủ điều kiện.

- Có hợp đồng đại lý tối thiểu một (01) năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu
mỗi:

1.....

2.....

3.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng
đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày
22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

....., ngày tháng ... năm ...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

29. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG;
- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

30. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- + Trên địa bàn huyện:
- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

31. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động gửi hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

32. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.
- Bản sao:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.
 - + Hợp đồng đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc tổng đại lý kinh doanh LPG.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời gian giải quyết: trong 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Có cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

- Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc tổng đại lý kinh doanh LPG.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu
mối:

1.....

2.....

3.....

Hoặc Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với tổng đại lý kinh doanh
LPG:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý
kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng
3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

33. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG;

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

34. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- + Trên địa bàn huyện:
- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

35. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động gửi hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

36. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai;
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy
- Đối với cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai phải bổ sung tài liệu chứng minh địa điểm phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- Bản sao:
 - + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
 - + Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG.
 - + Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, an toàn

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai;

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo về phòng cháy và chữa cháy, an toàn theo quy định hiện hành

- Đối với cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai địa Điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH KHÍ
DẦU MỎ HÓA LỎNG CHO CỬA HÀNG BÁN LPG CHAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu
mỗi:

1.....

2.....

3.....

Hoặc Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với tổng đại lý kinh doanh
LPG:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh
doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo quy định tại Nghị
định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

...,ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

37. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai;
- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

- + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
- + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

38. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

39. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai;

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

40. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Tài liệu chứng minh trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Bản sao:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LNG.

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp LNG vào phương tiện vận tải.

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.

+ Các quy trình: nạp LNG vào phương tiện vận tải, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân kinh doanh LNG đầu mối

- Phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Trạm nạp, thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và thiết bị phụ trợ phải tuân thủ các quy định về an toàn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

- Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động của trạm nạp đã được kiểm định và đăng ký theo quy định

- Có đầy đủ các quy trình: Nạp LNG vào phương tiện vận tải, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và các quy định về an toàn.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG/LNG/CNG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp
LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản
pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

41. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải;
- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

- + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
- + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

- + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- + Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

42. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

43. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải;

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

44. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG;
- Tài liệu chứng minh trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao:

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LNG;
- + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường;

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

- + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
- + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân kinh doanh LNG đầu mối
- Phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP LPG/LNG/CNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/ hộ kinh doanh số:... do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm cấp:

Địa chỉ trạm cấp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

45. Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG;
- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

46. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

- + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
- + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

- + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

47. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG;
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....,ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

48. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.
- Tài liệu chứng minh trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Bản sao:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu CNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối CNG.
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp CNG vào phương tiện vận tải.
 - + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.

+ Các quy trình: nạp CNG vào phương tiện vận tải, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân kinh doanh CNG đầu mối
- Phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Trạm nạp, thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và thiết bị phụ trợ phải tuân thủ các quy định về an toàn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.
- Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động của trạm nạp đã được kiểm định và đăng ký theo quy định
- Có đầy đủ các quy trình: Nạp LNG vào phương tiện vận tải, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và các quy định về an toàn.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG/LNG/CNG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp
LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản
pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

49. Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải;

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.
- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

50. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:
 - + Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy
 - + Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy
- Phí thẩm định:
 - + Trên địa bàn thị xã:
 - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

51. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải;

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

• Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

• Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

52. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung khi hồ sơ chưa hợp lệ.
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG;
- Tài liệu chứng minh trạm cấp CNG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;
- Bản sao:

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu CNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối CNG;
- + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường;

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân kinh doanh CNG đầu mối

- Phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP LPG/LNG/CNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/ hộ kinh doanh số:... do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm cấp:

Địa chỉ trạm cấp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

53. Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG;
- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.
Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

54. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

55. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG

a) Trình tự thực hiện:

- Trước 30 ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CPG;
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy:

+ Trên địa bàn thị xã: 200.000đ/giấy

+ Trên địa bàn huyện: 100.000đ/giấy

- Phí thẩm định:

+ Trên địa bàn thị xã:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Trên địa bàn huyện:

- Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

j) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương...

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của
Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

XIII. Lĩnh vực An toàn thực phẩm:

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.
- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp có văn bản ủy quyền, sau khi thẩm định Sở Công Thương phải gửi kết quả thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận;
- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
- Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * *Thành phần hồ sơ:*
 - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
 - Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề kinh doanh thực phẩm.
 - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất theo mẫu.
 - Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm;
 - Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh.
- * *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Đối với cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 1.150.000đ/lần cấp

- Đối với đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.650.000đ/lần cấp

Trong đó:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ

- Mức phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở

- Mức phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:

+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000đ/lần/cơ sở

+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000đ/lần/cơ sở

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung:

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm.

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp không bao gồm chợ đầu mối và chợ đầu giá nông sản

- Điều kiện riêng: Cơ sở kinh doanh thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân bán buôn hoặc đại lý bán buôn trên địa bàn 01(một) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ sở bán lẻ thực phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố đó.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y Tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ⁽¹⁾

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Cơ sở kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):

Địa điểm tại:

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy phép kinh doanh số: ngày cấp.....đơn vị cấp.....

Loại hình kinh doanh (bán buôn/bán lẻ):

Phạm vi kinh doanh (trên địa bàn 01 tỉnh/02 tỉnh):.....

Nhóm sản phẩm kinh doanh (theo danh sách đính kèm):

Doanh thu dự kiến:.....

Số lượng công nhân viên:.....(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở tại địa chỉ:

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Mẫu Đơn áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị 1b)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	
9	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
10	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	

19	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ
KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:.....
- Điện thoại.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (01 tỉnh hay 02 tỉnh trở nên):.....
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh:m², trong đó diện tích kho hàng:.....m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:.....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:.....
- Nguồn điện cung cấp:.....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:.....
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường:.....
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang. thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						
	Thiết bị vệ sinh cơ sở,						

5	dụng cụ						
6	Trang bị bảo hộ						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy)

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại;

- Trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ*: Đơn đề nghị cấp lại

* *Số lượng hồ sơ*: 02 bộ, 01 bộ nộp tại Sở Công Thương, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp)

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung:

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm.

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp không bao gồm chợ đầu mối và chợ đầu giá nông sản

- Điều kiện riêng: Cơ sở kinh doanh thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân bán buôn hoặc đại lý bán buôn trên địa bàn 01(một) tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương; cơ sở bán lẻ thực phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố đó.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y Tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở..... đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh (tên sản phẩm), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư này):

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền hủy hồ sơ.

- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, Sở Công Thương phải gửi kết quả thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận;

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ (*thu khi trả kết quả là Giấy chứng nhận*)

- Mức phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở (*thu ngay khi nộp hồ sơ*)

- Mức phí thẩm định cơ sở: (*thu ngay khi nộp hồ sơ*)

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000đ/lần/cơ sở

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000đ/lần/cơ sở

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung: cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm.

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

- Điều kiện riêng: cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế

+ Rượu: Dưới 03 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Bia: Dưới 50 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Nước giải khát: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Sữa chế biến: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Dầu thực vật: Dưới 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;

+ Bánh kẹo: Dưới 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;

+ Bột và tinh bột: Dưới 100 ngàn tấn sản phẩm/năm;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y Tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ⁽¹⁾

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):

Địa chỉ tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy phép kinh doanh số.....ngày cấp:.....đơn vị cấp:.....

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm):.....

Công suất thiết kế:.....

Doanh thu dự kiến:.....

Số lượng công nhân viên:.....(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Mẫu Đơn áp dụng đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ
VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại:.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất ...m², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:.....
- Kết cấu nhà xưởng:.....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:.....
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:.....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:.....
- Hệ thống xử lý môi trường:.....
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						

6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

4. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp bị mất, bị hỏng, thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh).

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

*Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y Tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Sở Công Thương Bình Dương

Tên cơ sở..... đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh (tên sản phẩm), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư này):

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

5. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm (trường hợp thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực).

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền hủy hồ sơ.
- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp có văn bản ủy quyền, sau khi thẩm định, Sở Công Thương phải gửi kết quả thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận;
- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
- Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * *Thành phần hồ sơ:*
- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm
- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ (*thu khi trả kết quả là Giấy chứng nhận*)

- Mức phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở (*thu ngay khi nộp hồ sơ*)

- Mức phí thẩm định cơ sở sản xuất: (*thu ngay khi nộp hồ sơ*)

+ Cơ sở SX thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000đ/lần/cơ sở

+ Cơ sở SX thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000đ/lần/cơ sở

- Mức phí thẩm định cơ sở kinh doanh:

+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000đ/lần/cơ sở

+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000đ/lần/cơ sở

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y Tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Sở Công Thương Bình Dương

Tên cơ sở..... đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh (tên sản phẩm), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư này):

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ
VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM
(Dùng cho cơ sở sản xuất)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại:.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:.....
- Kết cấu nhà xưởng:.....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:.....
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:.....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:.....
- Hệ thống xử lý môi trường:.....
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển						

	sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ
VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM
(Dùng cho cơ sở kinh doanh)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Địa chỉ kho:
- Điện thoại:..... Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp...
- Mặt hàng kinh doanh:.....
- Phạm vi kinh doanh (01 tỉnh hay 02 tỉnh trở lên):
- Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân
- Tổng số cán bộ, công nhân trực tiếp kinh doanh
- Tổng số cán bộ, công nhân đã được tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định
- Tổng số cán bộ, công nhân đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

II.1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh;m², Trong đó diện tích kho hàng:m²;
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh (kho sản phẩm; khu trưng bày và bán sản phẩm; khu vực bảo quản sản phẩm;...)
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL
- Nguồn điện cung cấp
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân (Khu vực rửa tay; phòng thay đồ, vệ sinh cá nhân,...)
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh

T T	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						

5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)						
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, Cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên).

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định./.

....., ngày tháng năm 20....

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

6. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trường hợp do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp;
- Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền các văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoặc Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về

Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y Tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

Tên cơ sở..... đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh (tên sản phẩm), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương):

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

7. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền hủy hồ sơ.

- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp có văn bản ủy quyền, sau khi thẩm định, Sở Công Thương phải gửi kết quả thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận;

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất thực phẩm;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất;

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ *(thu khi trả kết quả là GCN)*
- Mức phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở *(thu ngay khi nộp hồ sơ)*
- Mức phí thẩm định cơ sở: 1.000.000đ/lần/cơ sở *(thu ngay khi nộp hồ sơ)*

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/04/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*

Cơ sở sản xuất *(tên giao dịch hợp pháp)*:

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp: ;

Cơ quan cấp:

Ngành nghề sản xuất *(tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận)*:

Công suất, doanh thu:

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Hồ sơ gửi kèm gồm:

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

Ghi chú: *Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm 20...

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:
- Chủ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II.1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:.....m² ,Trong đó diện tích để sản xuất:.....m²;

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						

7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):..... người;
2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:..... người;
3. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:..... người;
4. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm: người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày tháng 31 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

8. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (do bị mất, bị hỏng)

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương xem xét và cấp lại;
- Trường hợp từ chối cấp lại, Sở Công Thương có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * *Thành phần hồ sơ*: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- * *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ (*thu khi trả kết quả là GCN*)
- Mức phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở (*thu ngay khi nộp hồ sơ*)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở sản xuất:

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:...(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ *(do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)*

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền hủy hồ sơ.

- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp có văn bản ủy quyền, sau khi thẩm định, Sở Công Thương phải gửi kết quả thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận;

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ (*thu khi trả kết quả là GCN*)

- Mức phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở (*thu ngay khi nộp hồ sơ*)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở sản xuất:

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:...(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng....năm 20...

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:
- Chủ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II.1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:.....m² ,Trong đó diện tích để sản xuất:.....m²;

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với						

	nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

5. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):..... người;
6. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:..... người;
7. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:..... người;
8. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm: người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày tháng 31 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương xem xét và cấp lại;

- Trường hợp từ chối cấp lại, Sở Công Thương có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp;

- Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/hồ sơ (thu khi trả kết quả là GCN)

- Mức phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở (thu ngay khi nộp hồ sơ)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở sản xuất:

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:...(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng....năm 20...

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:
- Chủ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II.1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:.....m² ,Trong đó diện tích để sản xuất:.....m²;

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với						

	nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

9. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):..... người;
10. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:..... người;
11. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:..... người;
12. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm: người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày tháng 31 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

11.Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký của cơ sở, Sở Công Thương thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương tiến hành thẩm định, thu phí, lệ phí và thông báo kết quả thẩm định nội dung quảng cáo cho cơ sở dưới hình thức:

+ Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với trường hợp đạt yêu cầu.

+ Thông báo bằng văn bản đối với trường hợp thẩm định không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do chưa được xác nhận nội dung quảng cáo và những yêu cầu cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp của cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật được ban hành và có hiệu lực) hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng được ban hành và có hiệu lực);

- Tài liệu khoa học chứng minh tính chất, công dụng của sản phẩm đúng như nội dung đăng ký quảng cáo;

- 02 Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết...);

- Giấy ủy quyền quảng cáo hoặc hợp đồng thuê dịch vụ quảng cáo đối với trường hợp đăng ký xác nhận quảng cáo bởi người kinh doanh dịch vụ quảng cáo.

Lưu ý: Toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ phải có dấu của cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 150.000đ/sản phẩm

- Mức phí thẩm định:

+ Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000đ/lần/sản phẩm

+ Truyền hình, phát thanh: 1.200.000đ/lần/sản phẩm

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

- Sản phẩm thực phẩm không thuộc danh mục những sản phẩm, hàng hóa bị cấm quảng cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Sản phẩm thực phẩm của cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện an toàn thực phẩm hoặc sản phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nội dung quảng cáo phải chính xác, đúng với chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm như đã công bố và đăng ký.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21/12/2012 của Bộ Công Thương về Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

Tên tổ chức/cá nhân
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:
Số fax:
Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lần đầu)
Số: /20...../

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

Căn cứ Thông tư số: 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương và để đáp ứng nhu cầu quảng cáo thực phẩm của ... (tên cơ sở); đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Dương xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo
1					
2					

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

12. Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng)

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trường hợp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đã được cấp nhưng bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng, cơ sở phải có văn bản đề nghị cấp lại gửi tới Sở Công Thương để được xem xét cấp lại.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan xác nhận nội dung quảng cáo xem xét cấp lại cho cơ sở, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ*: Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm;

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc theo quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 150.000đ/sản phẩm

- Mức phí thẩm định:

+ Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000đ/lần/sản phẩm

+ Truyền hình, phát thanh: 1.200.000đ/lần/sản phẩm

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21/12/2012 của Bộ Công Thương về Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

Tên tổ chức/cá nhân
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:
Số fax:
Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại)
Số: /20...../

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

Ngày tháng năm 2013, (tên cơ sở) đã được Sở Công Thương tỉnh Bình Dương xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm (số); tuy nhiên, ... (lý do đăng ký lại); đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Dương xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo
1					
2					

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

13. Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (trường hợp hết hạn hoặc thay đổi nội dung quảng cáo)

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký của cơ sở, Sở Công Thương thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung hồ sơ theo quy định.
- Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương tiến hành thẩm định, thu phí, lệ phí và thông báo kết quả thẩm định nội dung quảng cáo cho cơ sở dưới hình thức:
 - + Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với trường hợp đạt yêu cầu.
 - + Thông báo bằng văn bản đối với trường hợp thẩm định không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do chưa được xác nhận nội dung quảng cáo và những yêu cầu cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;
- 02 Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết...);
- Bản thuyết minh kèm theo các tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan đến nội dung quảng cáo thực phẩm đã thay đổi;

Lưu ý: Toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ phải có dấu của cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc theo quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 150.000đ/sản phẩm
- Mức phí thẩm định:
- + Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000đ/lần/sản phẩm
- + Truyền hình, phát thanh: 1.200.000đ/lần/sản phẩm

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21/12/2012 của Bộ Công Thương về Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

Tên tổ chức/cá nhân
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:
Số fax:
Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại)
Số: /20...../

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

Ngày tháng năm 2013, (tên cơ sở) đã được Sở Công Thương tỉnh Bình Dương xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm (số); tuy nhiên, ... (lý do đăng ký lại); đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Dương xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo
1					
2					

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

14. Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Sở Công Thương lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

- Căn cứ vào Thông báo ngày tổ chức kiểm tra, có thể được bố trí nhiều ngày kiểm tra khác nhau (theo yêu cầu của tổ chức nộp hồ sơ – nếu có). Tùy thuộc vào danh sách đề nghị kiểm tra, thời gian giải quyết dao động từ 03 đến 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;

- Bản sao Giấy Chứng minh thư nhân dân;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

- Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm ;

- Bản sao (có xác nhận và đóng dấu của tổ chức xin cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm): Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

Lưu ý: Hai thành phần hồ sơ cuối áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân

d) Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra kiến thức: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức: từ 03 đến 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

h) Lệ phí: 30.000 đồng/người

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

- Danh sách các tập thể / cá nhân xin xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý Bộ Công Thương.

- Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21/7/2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 6410/QĐ-BCT ngày 21/7/2014 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:** Cá nhân chỉ ký và ghi rõ họ tên

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức)

[illegible]

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

XIV. Lĩnh vực Giám định thương mại:

1. Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:

+ Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;

+ Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tất cả.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ cho thương nhân bằng văn bản.

h) Phí, Lệ phí: lệ phí 20.000đ/hồ sơ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đăng ký dấu nghiệp vụ .

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20/10/2006 về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006.

- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương...¹²

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa) :

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Địa chỉ của trụ sở chính:

.....

.....

Điện thoại: Fax:

Email (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:

.....

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:/...../.....

Vốn điều lệ:

Nội dung đăng ký:

☐

Cấp mới

☐

Thay đổi¹³

☐

Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định: Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất vv...

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

¹² Tên Sở Công Thương nơi thương nhân đăng ký dấu nghiệp vụ

¹³Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên và đóng dấu)

2. Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ từ các thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;
- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ;
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản.
- Thương nhân chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc đã đăng ký dấu nghiệp vụ tại nơi chuyển đi đến cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ nơi chuyển đến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chuyển đến và không phải làm thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:
 - + Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;

+ Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tất cả.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ cho thương nhân bằng văn bản.

h) Phí, Lệ phí: Mức lệ phí 20.000đ/hồ sơ .

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đăng ký dấu nghiệp vụ .

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20/10/2006 về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006.

- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương...¹⁴

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa) :

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Địa chỉ của trụ sở chính:

.....

.....

Điện thoại: Fax:

Email (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:

.....

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:/...../.....

Vốn điều lệ:

Nội dung đăng ký:

☐

Cấp mới

☐

Thay đổi¹⁵

☐

Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định: Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất vv...

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

¹⁴ Tên Sở Công Thương nơi thương nhân đăng ký dấu nghiệp vụ

¹⁵Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên và đóng dấu)

XV. Lĩnh vực năng lượng:

1. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Sở Công Thương thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
- Trong quá trình thẩm định, Sở Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Công ty Điện lực tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan (nếu cần thiết).
- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm hoàn thành thẩm định hồ sơ điều chỉnh Hợp phần quy hoạch trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Chủ đầu tư.
- Báo cáo điều chỉnh Hợp phần quy hoạch gồm các nội dung sau:
 - + Cơ sở pháp lý và sự cần thiết điều chỉnh, bổ sung quy hoạch;
 - + Quy mô, tiến độ và các thông số chính của dự án cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch;
 - + Đánh giá ảnh hưởng của việc điều chỉnh, bổ sung dự án đối với lưới điện sau trạm 100kV khi xuất hiện dự án;
 - + Đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án bổ sung, điều chỉnh;
 - + Kết luận và kiến nghị.

**Số lượng hồ sơ:* một (01) bộ (riêng Báo cáo điều chỉnh Hợp phần quy hoạch: năm (05) bản).

d) Thời hạn giải quyết: mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư các dự án có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh trong Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: không quy định

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt việc bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực;
- Thông tư số 33/2014/TT-BCT ngày 10/10/2014 của Bộ Công Thương về việc quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

XVI. Lĩnh vực Khoa học công nghệ:

1. Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (phân bón vô cơ)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương;

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Công Thương gửi văn bản Thông báo xác nhận công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy và Bộ Công Thương.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời gian 5 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố về những nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

+ Bản công bố hợp quy.

+ Bản sao Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của phân bón vô cơ với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

+ Bản mô tả chung về sản phẩm phân bón vô cơ gồm đặc điểm, tính năng, công dụng.

+ Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến phân bón (Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở hoặc áp dụng Tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc các quy định kỹ thuật khác.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo xác nhận công bố hợp quy.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản công bố hợp quy.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các Bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số **202/2013/NĐ-CP** ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quản lý phân bón;

- Thông tư số **48/2011/TT-BCT** ngày 30/12/2011 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số **29/2014/TT-BCT** ngày 30/9/2014 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ, hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón.

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail.....

Công bố:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

.....
.....

Phù hợp với tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....
.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....
.....
.....
.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, chức vụ, đóng dấu*)

2. Bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép (để trực tiếp sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo, chỉ áp dụng đối với sản phẩm thép có mã số HS 7224.10.00; 7224.90.00)

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tiến hành xem xét hồ sơ và ban hành văn bản xác nhận.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo;
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân;
- Bản Thuyết minh cơ sở vật chất.

**Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

f) Phí, Lệ phí: không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép để trực tiếp sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản Thuyết minh cơ sở vật chất (theo mẫu do Sở Công Thương ban hành).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; Doanh nghiệp nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và cam kết không sử dụng thép để sản xuất thép phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông;

- Sản phẩm thép nhập khẩu trong các trường hợp do Sở Công Thương xác nhận nhu cầu là sản phẩm thép nhập khẩu để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và cam kết không sử dụng thép để sản xuất thép phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông.

- Chỉ áp dụng đối với sản phẩm thép có mã số HS 7224.10.00; 7224.90.00

- Số lượng và chủng loại thép nhập khẩu phải phù hợp với cơ sở vật chất (diện tích nhà xưởng, kho bãi, công suất, dây chuyền công nghệ), năng lực sản xuất của doanh nghiệp trong một thời gian nhất định theo khai báo của doanh nghiệp.

- Giấy xác nhận có giá trị trong vòng 06 tháng kể từ ngày Sở Công Thương ký xác nhận.

j) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;

- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu.

- Quyết định số **884a**/QĐ-BCT ngày 08/3/2016 của Bộ Công Thương công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CÔNG TY

*(Kèm theo Giấy đề nghị xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ
sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo)*

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đầu tư (giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số:; Cơ quan cấp:; Mã số thuế:
- Ngày cấp:
- Ngành nghề:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:, Fax:
- Email:
- Họ tên người đại diện pháp luật:
- * Tên người trực tiếp làm thủ tục: Số điện thoại liên lạc:
Email: (thông tin bắt buộc)

2. Năng lực sản xuất của doanh nghiệp

- Công suất dây chuyền, máy móc thiết bị theo thiết kế :...../năm
- Công suất dây chuyền, máy móc thiết bị thực tế sản xuất 2 năm gần nhất
 - + Năm 201.. : /năm
 - + Năm 201.. :/năm
- (Đối với doanh nghiệp thành lập mới trong năm thì cung cấp số liệu 6 tháng gần nhất kể từ thời điểm làm đề nghị xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép).
- Định lượng nguyên liệu thép sử dụng để sản xuất ra 1 sản phẩm, bao gồm cả hao hụt nguyên liệu: / sản phẩm. (đơn vị tính: kg hoặc tấn/ sản phẩm)
- Tổng số lao động: người.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm sau quá trình sản xuất gia công (% bán trong nước hoặc % xuất khẩu):
- Diện tích nhà xưởng:
- Diện tích kho bãi:
- Dây chuyền công nghệ và quy trình sản xuất của doanh nghiệp:
(quý DN tự xoan thảo nội dung này tùy theo tình hình thực tế của DN; có thể kê khai nội dung này thành phụ lục và đính kèm theo Bản thuyết minh này).

- Mô tả tóm tắt sản phẩm sau quá trình sản xuất, gia công, chế tạo:
(đính kèm theo hình ảnh minh họa, nếu có)

3. Báo cáo tình hình nhập khẩu thép của doanh nghiệp

* Doanh nghiệp thực hiện mục 3.1 hoặc 3.2 như trên tùy theo nhu cầu.

3.1. Đối với doanh nghiệp thực hiện Thủ tục xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép lần đầu tiên:

Thực hiện Báo cáo tình hình nhập khẩu hàng hóa thực tế trong 6 tháng gần nhất kể từ ngày thực hiện thủ tục xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép này.

Tên hàng	Mã HS (8 số)	Số tờ khai hải quan	Số lượng/khối lượng (tấn/kg)	Trị giá (USD)	Số lượng nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo	Trị giá nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo (USD)
Ví dụ	7224.10.00	abc	200 tấn	5000	200 tấn	5000
			100 tấn	2500	300 tấn	7500
			50 tấn	...	350	...
	7224.90.00

3.2. Đối với doanh nghiệp thực hiện Thủ tục xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép lần thứ 2 trở lên:

Thực hiện Báo cáo số lượng hàng hóa nhập khẩu thực tế trong 6 tháng theo Giấy xác nhận của Sở Công Thương cấp kỳ trước (Phụ lục 2 đính kèm)

Tên hàng	Mã HS (8 số)	Số văn bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép của Sở Công Thương	Số tờ khai hải quan	Số lượng/khối lượng (tấn/kg)	Trị giá (USD)	Số lượng nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo	Trị giá nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo (USD)
Ví dụ	7224.10.00	VB số .../SCT-QLTM ngày...tháng...năm...	abc	200 tấn	5000	200 tấn	5000
				100 tấn	2500	300 tấn	7500
				50 tấn	...	350	...
	7224.90.00

4. Nội dung đăng ký xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép:

- Tổng số lượng thép dự kiến nhập khẩu của doanh nghiệp kể từ ngày thực hiện bản cam kết này : tấn (hoặc kg). (6 tháng)
- Mục đích sử dụng (dùng để làm ra sản phẩm gì):
- Mô tả chi tiết thép hợp kim nhập khẩu:

TT	Mã HS	Chủng loại thép	Mác thép	Khối lượng	Xuất xứ
1	7224.10.00				
2	7224.90.00				
Tổng Cộng					

*Lưu ý: Doanh nghiệp kê khai **khối lượng thép nhập khẩu** theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp trong 6 tháng kể từ ngày thực hiện thủ tục này; đơn vị tính là **tấn** hoặc **kg**.*

*Thực hiện Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương và Bộ Khoa học Công nghệ Quy định việc quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu. Nay bằng công văn này công ty chúng tôi xin cam kết nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và không sử dụng thép để sản xuất các sản phẩm thép phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông.

Công ty chúng tôi cam đoan những nội dung trình bày trong Bản thuyết minh này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu sử dụng nguyên liệu nhập khẩu không đúng mục đích. Trường hợp cần thiết, mời Sở Công Thương đến kiểm tra thực tế các nội dung nói trên tại công ty chúng tôi để đảm bảo nội dung khai báo là chính xác./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm theo:

1. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư (giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp);
2. Giấy đề nghị xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo (**DN tự soạn nội dung**).
3. Bản Thuyết minh cơ sở vật chất (**theo mẫu của Sở Công Thương**)
 - Hình ảnh minh họa sản phẩm thép nhập khẩu và sản phẩm sau quá trình sản xuất (nếu có);
 - * Thủ tục xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép chỉ áp dụng đối với mặt hàng có mã HS: 7224.10.00; 7224.90.00.

3. Tiếp nhận Bản đăng ký công bố hợp quy đối với thép (trừ thép làm cốt bê tông) dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất)

a) Trình tự thực hiện

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba(03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung. Sau thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Công Thương sẽ hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.
- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và ban hành Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy thép.
- Trường hợp từ chối cấp Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy thép, Sở Công Thương sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

**Thành phần hồ sơ:*

- Công văn đề nghị;
- Bản công bố hợp quy;
- Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);
- Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý
- Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực;
- Bản sao y bản chính Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký;
- Báo cáo đánh giá hợp quy kèm theo mẫu dấu hợp quy và các tài liệu có liên quan;

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng.

**Số lượng hồ sơ: 02 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy thép.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Công văn đề nghị;
- Bản công bố hợp quy;
- Kế hoạch kiểm soát chất lượng;
- Báo cáo đánh giá hợp quy.

i) Phí, lệ phí: chưa quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;
- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KHCN về việc Quy định công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư liên tịch số 44/2013/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ “Quy định về quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu”.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

TÊN DOANH NGHIỆP

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị tiếp nhận bản công bố
hợp quy đối với sản phẩm thép

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

Tên doanh nghiệp :
được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư (giấy phép đầu tư, hoặc giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác có liên quan) số do
(cơ quan nào cấp): ngày tháng năm

Trụ sở đặt tại :

Số điện thoại:, Fax:

Email:

Ngành nghề, sản xuất kinh doanh:

Đề nghị Sở Công Thương thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy đối
với:

Sản phẩm thép (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (dựa trên kết quả tự đánh giá của doanh
nghiệp)

.....
.....

Chúng tôi xin cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm thép do chúng tôi sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm thép (trừ thép làm cốt bê tông):

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu giám sát/kiểm soát	Tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày tháng năm
Đại diện tổ chức
(ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. Ngày đánh giá:
2. Địa điểm đánh giá:
3. Tên sản phẩm:
4. Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:.....
.....
.....
.....
.....
7. Các nội dung khác (nếu có):.....
8. Kết luận:
 - ☐ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.
 - ☐ Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

4. Tiếp nhận Bản đăng ký công bố hợp quy đối với thép (trừ thép làm cốt bê tông) dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba)

a) Trình tự thực hiện

- Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung. Sau thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Công Thương sẽ hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và ban hành Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy thép.

- Trường hợp từ chối cấp Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy thép, Sở Công Thương sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Công Thương vào giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Địa chỉ: Tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

**Thành phần hồ sơ:*

- Công văn đề nghị;

- Bản công bố hợp quy;

- Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

- Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng.

**Số lượng hồ sơ: 02 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: năm (05) ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, Cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy thép.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Công văn đề nghị;
- Bản công bố hợp quy;

i) Phí, lệ phí: Không quy định

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;
- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KHCN về việc Quy định công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư liên tịch số 44/2013/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ “Quy định về quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu”.
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

TÊN DOANH NGHIỆP

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....
V/v đề nghị tiếp nhận bản công bố
hợp quy đối với sản phẩm thép

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

Tên doanh nghiệp :
được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư (giấy phép đầu tư, hoặc giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác có liên quan) số
do (cơ quan nào cấp): ngày tháng năm ..

Trụ sở đặt tại:

Số điện thoại:, Fax:

Email:

Ngành nghề, sản xuất kinh doanh:

Đề nghị Sở Công Thương thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy đối
với:

Sản phẩm thép (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)

.....
.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....
.....

Chúng tôi xin cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm
thép do chúng tôi sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai
thác.

DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm thép (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)

.....
.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....
.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):

.....
.....
.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm thép) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

B.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng:

1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp Giấy phép. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu bổ sung (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

h) Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần thẩm định

- Lệ phí: 200.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Bao sao có bản chính đối chiếu;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Kinh tế, UBND thị xã (huyện, thành phố)
tỉnh Bình Dương ⁽¹⁾

(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....
Địa điểm sản xuất.....
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các
loại:.....⁽³⁾
Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾
Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày
12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công
Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu
hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

2. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (do hết thời hạn hiệu lực)

a) Trình tự thực hiện:

- Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu bổ sung (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp lại lần thứ...)

h) Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần thẩm định
- Lệ phí: 200.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

- Bảo sao có bản chính đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Kinh tế, UBND thị xã (huyện, thành phố)
tỉnh Bình Dương ⁽¹⁾

(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục
đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ
công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các
loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT
ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng
Công Thương).

⁽²⁾ : Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾ : Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp lại Giấy phép

3. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu bổ sung (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại.

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp lại lần thứ...)

h) Lệ phí (nếu có): 200.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Kinh tế, UBND thị xã (huyện, thành phố)
tỉnh Bình Dương ⁽¹⁾

(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục
đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ
công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các
loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT
ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng
Công Thương).

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp lại Giấy phép

4. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu bổ sung (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao (có bản chính đối chiếu) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

h) Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần thẩm định

- Lệ phí: 200.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Kinh tế, UBND thị xã (huyện, thành phố)
tỉnh Bình Dương ⁽¹⁾

..... ⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục
đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất
rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ
công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT
ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng
Công Thương.

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng
rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

5. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện từ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;

- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bru điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn;

- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm;

- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

f) Phí, Lệ phí: không có

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

- + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

- + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

- + Tiêu chí khác.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có);

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:..... Email:.....

Người đại diện:.....; Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh (*tóm tắt ngành nghề chính có liên quan*):

Địa điểm sản xuất:

Vốn đăng ký kinh doanh (*nếu có*):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (*đối với doanh nghiệp*):.....

Tổng số lao động bình quân/năm:

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:

Mô tả tóm tắt về sản phẩm:

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện Cơ sở công nghiệp nông thôn

(*ký tên và đóng dấu*)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm:
Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....
Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....; Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....; Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao):
Trọng lượng sản phẩm (kg):
Ký hiệu sản phẩm (nếu có):
Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:.....

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):...
- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:.....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:.....

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng:.....
- Thu nhập bình quân:..... VND/người/tháng

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....

- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....
- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

III. TỰ NHẬN XÉT

.....

.....

Đại diện Cơ sở công nghiệp nông thôn
(ký tên và đóng dấu)

II. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước

1. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh Tế xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh Tế sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh Tế có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

+ Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

+ Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

+ Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

- * Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh
 - Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
 - Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.
- * Khu vực khác:
 - Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
 - Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;
- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các bản sao có bản chính đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: UBND huyện (thị, thành phố)⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
- Đề nghị UBND huyện (quận)⁽¹⁾xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....⁽²⁾
7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....⁽³⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (do hết thời hạn hiệu lực)

a) Trình tự thực hiện:

- Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh Tế xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh Tế sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh Tế có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

+ Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

+ Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

+ Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định; Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;
- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá; Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các bản sao có bản chính đối chiếu.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: UBND huyện (thị xã, thành phố).....⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾ cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾ cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do⁽²⁾.....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

⁽²⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

3. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại;

- Bản sao (có bản gốc đối chiếu) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: UBND huyện (thị xã, thành phố).....⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾.....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do⁽²⁾.....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

⁽²⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

4. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao (có bản gốc đối chiếu) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế huyện (thị xã, thành phố)

1. Tên thương nhân :
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - + Tên:
 - + Địa chỉ:
 - + Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đã được Phòng Kinh tế huyện (thị xã, thành phố) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
- Đã được Phòng Kinh tế huyện (thị xã, thành phố) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)⁽¹⁾

...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Phòng Kinh tế huyện (thị xã, thành phố) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:⁽²⁾

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm⁽³⁾

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....⁽³⁾

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁴⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá

về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung

5. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Kinh tế có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu cho thương nhân theo hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:
 - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.
 - Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.
 - Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.
 - Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).
 - Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của thương nhân dự kiến kinh doanh.
 - Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.
- * Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

- * Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;
- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;
- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;
- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.
- Các bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN

Số: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

- a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾
- b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:.....⁽⁴⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Kinh tế nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

6. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Kinh tế có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu cho thương nhân theo hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao (có bản gốc đối chiếu) Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực
- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:.....
do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi
lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày.....
tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu
số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép
kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa
đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây*):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức⁽²⁾ sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾ của
.....⁽⁴⁾ sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾
Được phép tổ chức⁽²⁾ sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽⁶⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾ của
.....⁽⁴⁾ sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾
Được phép tổ chức⁽²⁾ sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽⁶⁾

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁷⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày
27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-
CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2) Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

(4): Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu

(5): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

(6): Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố

(7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

7. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (do hết thời hạn hiệu lực)

a) Trình tự thực hiện:

- Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy xác nhận 30 ngày tổ chức, cá nhân bán lẻ sản phẩm rượu nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).

- Thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất).

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu;

Các bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực
- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:.....
do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi
lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày.....
tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu
số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh
⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày
27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-
CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi doanh
nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

8. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;
- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu;
 - Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).
- Thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất).

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu;

Các bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực
- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:.....
do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi
lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày.....
tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu
số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh

⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày
27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-
CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc
Phòng Kinh tế nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (trường hợp cấp mới, cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Trung tâm Y tế cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Trung tâm Y tế cấp huyện tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Trung tâm Y tế cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất thực phẩm;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Y tế cấp huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: 1.000.000 đồng/cơ sở/lần thẩm định
- Lệ phí: 150.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ;
- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Các Bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.
- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*

Cơ sở sản xuất *(tên giao dịch hợp pháp)*:

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp: ; Cơ quan cấp:

Ngành nghề sản xuất *(tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận)* :

Công suất, doanh thu:

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:....; gián tiếp:....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

Ghi chú: *Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng....năm 20...

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:
- Chủ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II.1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:.....m² ,Trong đó diện tích để sản xuất:.....m²;

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):..... người;

Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:..... người;

Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:..... người;

Số người chưa được cấp:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: người;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm: người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày tháng 31 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định*

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng, do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Trung tâm Y tế cấp huyện đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng
 - + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực
 - + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
 - + Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - + Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT;
 - + Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;
 - + Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.
- Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất
 - + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
 - + Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng, cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Y tế cấp huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí: 150.000 đồng/giấy/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Các Bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực

- Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở sản xuất:

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:...(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng....năm 20...

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:
- Chủ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II.1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:.....m² ,Trong đó diện tích để sản xuất:.....m²;

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):..... người;

Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:..... người;

Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:..... người;

Số người chưa được cấp:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: người;
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm: người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày tháng 31 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng:

1. Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của UBND cấp xã

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại;

- Bản sao Hợp đồng mua bán giữa tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công và doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

h) Lệ phí (nếu có):

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thăm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.
- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG ĐỂ BÁN CHO
DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU ĐỂ CHẾ BIẾN LẠI**

**Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)....⁽¹⁾
thuộc Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...**

.....⁽²⁾

Điện thoại (nếu có):

Địa điểm sản xuất:.....

Hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại số... ngày...
tháng... năm...

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường)⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu
thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày
12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công
Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu
hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ thể sản xuất
(Ký tên)

Chú thích:

(1): Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cơ sở đăng ký sản xuất.

(2): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm).

2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của UBND cấp xã

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Các bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY XÁC NHẬN SẢN XUẤT RƯỢU THỦ
CÔNG ĐỂ BÁN CHO DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU ĐỂ CHẾ BIẾN LẠI**

**Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)....⁽¹⁾
thuộc Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...**

⁽²⁾

Điện thoại (nếu có):

Địa điểm sản xuất.....

Hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại số... ngày...
tháng... năm...

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán
cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu
có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác
nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể
như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường)⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi bổ sung Giấy xác
nhận sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày
12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/ 2014 của Bộ Công
Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu
hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ thể sản xuất
(ký tên)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cơ sở đăng ký sản xuất.

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾:Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do sửa đổi bổ sung.

3. Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (do hết thời hạn hiệu lực).

a) Trình tự thực hiện:

- Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy xác nhận 30 ngày tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại cho Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của UBND cấp xã

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại;

- Bản sao Hợp đồng mua bán giữa tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công và doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, hết thời hạn hiệu lực; Giấy xác nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (Cấp lại lần thứ...).

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký cấp lại Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với trường hợp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy xác nhận 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

- Các bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;

- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG ĐỂ
BÁN CHO DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU ĐỂ CHẾ BIẾN LẠI**

**Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)....⁽¹⁾
thuộc Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...**
.....⁽²⁾

Điện thoại (nếu có):

Địa điểm sản xuất.....

Hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại số... ngày... tháng... năm...

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường)⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ thể sản xuất
(Ký tên)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cơ sở đăng ký sản xuất.

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do sửa đổi bổ sung.

4. Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại cho Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký cấp lại.

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy xác nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (Cấp lại lần thứ...).

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp: 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

* Khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp: 100.000 đồng/giấy/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký cấp lại Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Bản sao có bản gốc đối chiếu

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá;
- Quyết định số 4204/QĐ-BCT ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.
- Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG ĐỂ
BÁN CHO DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU ĐỂ CHẾ BIẾN LẠI**

**Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)....⁽¹⁾
thuộc Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...**
.....⁽²⁾

Điện thoại (nếu có):

Địa điểm sản xuất:.....

Hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại số... ngày... tháng... năm...

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường)⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ thể sản xuất
(Ký tên)

Chú thích:

(1): Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cơ sở đăng ký sản xuất.

(2): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm).

(5): Lý do sửa đổi bổ sung.